

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 202 – Chúa nhật 04.08.2013

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Đặc Tính Cánh Chung Của Giáo Hội Lữ Hành Và Sự Hiệp Nhất Với Giáo Hội Trên Trời	Lumen Gentium, Vatican 2
CÓ TIỀN MUA TIỀN KHÔNG ĐƯỢC ??	Lm Fx Nguyễn hùng Oánh
Bản dịch chương II - THÔNG điệp ÁNH SÁNG ĐỨC TIN	Phaolo. Phạm Xuân Khôi
ĐỨC PHANXICO NÓI CHUYỆN VỚI ỦY BAN ĐIỀU HỢP HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH CELAM [1]	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
LINH ĐẠO HIỆP HỘI THÁNH MẪU: THÀNH LẬP VÀ SINH HOẠT CỦA GIA ĐÌNH SỐNG ĐỜI KI-TÔ HHTM	Lm. Đan Vinh, HHTM
MANG VÀO MÌNH MÙI CHIẾN	Lm. Vĩnh Sang, DCCT
PHÒNG VẤN ĐỨC CHA AN-PHONG NGUYỄN HỮU LONG - TÂN GIÁM MỤC PHỤ TÁ GIÁO PHẬN HƯNG HOÁ	Gioan Lê Quang Vinh thực hiện
MÌNH VỚI TA TUY HAI MÀ MỘT. TA VỚI MÌNH TUY MỘT MÀ HAI .	Lm Lê Văn Quảng Psy.D.
Cậu sẽ đến	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
BÍ QUYẾT SỐNG TRUNG TÍN VÀ THÀNH CÔNG TRONG SỰ VỤ LINH MỤC (HỘI NGỘ CỰU SINH VIÊN XUÂN BÍCH - ĐÀLẠT NGÀY 9-11/7/2013) ...	Lm. Micae-Phaolo Trần Minh Huy, pss
DINH DƯỠNG KHI BỊ CAO HUYẾT ÁP	Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD.
“Làm phúc nơi nao, để cầu ao rách nát ?”	Lm. Anmai, CSsR.

Đặc Tính Cánh Chung Của Giáo Hội Lữ Hành Và Sự Hiệp Nhất Với Giáo Hội Trên Trời

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Khóa V Ngày 21 tháng 11 Năm 1964

Phaolô Giám Mục

Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa

Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng

Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội

Chương VII:

Đặc Tính Chung Chung Của Giáo Hội Lữ Hành Và Sự Hiệp Nhất Với Giáo Hội Trên Trời 61*

48. Đặc tính chung của ơn gọi chúng ta. Tất cả chúng ta được mời gọi gia nhập Giáo Hội trong Chúa Kitô, và nhờ ân sủng Thiên Chúa, chúng ta nên thánh trong Giáo Hội. Và Giáo Hội chỉ kết thúc trong vinh quang trên trời, khi thời cải tạo mọi sự đến (CvTđ 3,21) và khi toàn thể vũ trụ cùng với loài người được thiết lập toàn vẹn trong Chúa Kitô, vì vũ trụ liên kết mật thiết với con người và nhờ con người đạt được cùng đích của mình (x. Eph 1,10; Col 1,20; 2P 3,10-13).

Thực vậy, Chúa Kitô, khi bị treo lên khỏi đất, đã kéo mọi người đến với mình (x. Gio 12,32, bản Hy Lạp). Khi từ kẻ chết sống lại (x. Rm 6,9), Người đã sai Thánh Thần ban sự sống đến với các môn đệ và nhờ Thánh Thần thiết lập thân thể Người là Giáo Hội như bí tích phổ quát cứu rỗi. Nay đang ngự bên hữu Chúa Cha, Người không ngừng tác động trong thế giới để dẫn đưa mọi người về với Giáo Hội, và qua Giáo Hội, kết hợp họ với Người khắng khít hơn; Người còn lấy chính Mình Máu Người nuôi họ, cho họ tham dự vào cuộc sống vinh hiển của Người. Vì vậy, sự cải tạo Chúa đã hứa và chúng đang mong đợi đã khởi sự nơi Chúa Kitô, được xúc tiến khi Thánh Thần đến và nhờ Ngài được tiếp diễn trong Giáo Hội. Nhờ đức tin trong Giáo Hội, chúng ta còn hiểu được ý nghĩa cuộc sống ở trần thế, ngay khi chúng ta lo hoàn tất công việc Chúa Cha trao phó ở đời này trong niềm hy vọng hạnh phúc mai sau cũng như khi chúng ta lo phần rỗi của mình (x. Ph 2,12).

Như thế thời đại cuối cùng đã đến với chúng ta rồi vậy (x. 1Cor 10,11). Việc canh tân thế giới được thiết lập một cách bất khả phục hồi và thực sự đã bắt đầu một cách nào đó ngay từ bây giờ vì Giáo Hội đã được trang điểm bằng sự thánh thiện đích thực, tuy chưa hoàn toàn. Dù vậy, cho tới khi có trời mới và đất mới, nơi công lý ngự trị (x. 2P 3,13), Giáo Hội lữ hành mang khuôn mặt chóng qua của đời này, qua các bí tích và định chế là những điều thuộc thời đại này. Và Giáo Hội vẫn sống giữa các thụ sinh tới nay còn rên siết và quằn quại trong cơn đau đớn lúc sinh con, và mong đợi con cái Thiên Chúa xuất hiện (x. Rm 8,19-22).

Bởi vậy, được nối kết với Chúa Kitô trong Giáo Hội và được in dấu của Thánh Thần là "bảo chứng của cơ nghiệp chúng ta" (Eph 1,14), chúng ta thực sự được gọi là con Thiên Chúa và chúng ta là con Chúa thật (x. 1Gio 3,1); nhưng chúng ta chưa được xuất hiện với Chúa Kitô trong vinh quang (x. Col 3,4), trong đó chúng ta sẽ nên giống Thiên Chúa, vì trông thấy Ngài như Ngài có thật (x. 1Gio 3,2). Vì thế, "đang khi chúng ta còn ở trong thân xác này, là phải lưu đầy xa Chúa" (2Cor 5,6) và được hưởng hoa quả đầu mùa của Thánh Thần, chúng ta âm thầm than vãn (x. Rm 8,23) và khao khát được ở với Chúa Kitô (x. Ph 1,23). Chính đức ái đó thúc bách chúng ta sống cho Người hơn nữa, vì Người đã chết và sống lại cho chúng ta (x. 2Cor 5,15). Do đó chúng ta gắng sức làm đẹp lòng Chúa trong mọi việc (x. 2Cor 5,9) và mặc lấy binh giáp Thiên Chúa, hầu có thể đứng vững trước những cạm bẫy của ma quỷ và kháng cự chúng trong ngày gian truân (x. Eph 6,11-13). Đàng khác, vì không biết ngày và giờ, chúng ta phải theo lời Chúa dạy, luôn tỉnh thức, để khi cuộc đời độc nhất của chúng ta ở trần gian chấm dứt (x. Dth 9,27), chúng ta xứng đáng vào dự tiệc cưới với Người và được liệt vào số những người được chúc phúc (x. Mt 25,31-46), chứ không như những tôi tớ khốn nạn và lười biếng (x. Mt 25,26) sẽ bị đẩy vào lửa đời đời (x. Mt 25,41), vào chốn tối tăm, nơi "khóc lóc và nghiến răng" (Mt 22, 13 và 25,30). Thật vậy, trước khi ngự trị với Chúa Kitô vinh hiển, mọi người chúng ta đều phải trình diện "trước tòa Chúa Kitô, để mọi người lãnh lấy những thành quả đời mình đã làm trong thân xác hoặc lành hoặc dữ" (2Cor 5,10). Và ngày tận thế "ai đã làm lành sẽ sống lại hầu được sống, còn ai làm ác sẽ sống lại để chịu đoán phạt" (Gio 5,29; x. Mt 25,46). Bởi đó, tin

rằng "những đau khổ hiện thời chẳng thấm vào đâu với vinh quang sắp tới sẽ được giải bày cho chúng ta" (Rm 8,16; x. 2Tm 2,11-12), chúng ta mạnh mẽ tin tưởng trông đợi "niềm hy vọng hạnh phúc và ngày trở lại vinh quang của Thiên Chúa cao cả và Đấng cứu chuộc chúng ta là Chúa Giêsu Kitô" (Tit 2,13). "Người sẽ cải tạo thân xác hèn mạt ta ra giống thân xác sáng láng của Người" (Ph 3,21) và sẽ ngự đến "để được vinh quang trong các Thánh của Người và được thán phục trong mọi người đã tin" (2Th 1,10). ^{62*}

49. Sự hiệp thông giữa Giáo Hội trên trời và Giáo Hội lữ hành. ^{63*} Bởi thế, cho tới khi Chúa ngự đến trong uy nghi, có tất cả các Thiên Thần theo Người (x. Mt 25,31), và khi sự chết đã bị hủy diệt, mọi vật đều qui phục Người (x. 1Cor 15,26-27), thì trong số các môn đệ Chúa, có những kẻ còn tiếp tục cuộc hành trình nơi trần thế, có những kẻ đã hoàn tất cuộc sống này và đang được tinh luyện và có những kẻ được hiển vinh đang chiêm ngưỡng "rõ ràng chính Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi như Ngài hằng có" ¹. Nhưng hết thảy mọi người chúng ta, tùy cấp bậc và cách thức khác nhau, đều hiệp thông trong cùng một đức mến Chúa yêu người, cùng hát lên một bài ca chúc tụng vinh quang Thiên Chúa chúng ta. Vì tất cả những ai thuộc về Chúa Kitô và nhận lãnh Thánh Thần Người, đều hợp thành một Giáo Hội duy nhất và liên kết với nhau trong Người (x. Eph 4,16). Bởi vậy, sự hiệp nhất giữa những người còn sống trên dương thế với các anh em đã yên nghỉ trong an bình Chúa Kitô không hề bị gián đoạn. Nhưng trái lại, Giáo Hội xưa nay luôn tin rằng sự hiệp nhất đó còn vững mạnh hơn nhờ việc truyền thông cho nhau những của cải thiêng liêng ². Quả thực, nhờ kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô hơn, các người ở trên trời củng cố toàn thể Giáo Hội vững bền hơn trong sự thánh thiện, làm cho việc thờ phượng mà hiện nay Giáo Hội tại thế dâng lên Thiên Chúa, được cao cả hơn, và họ góp phần phát triển Giáo Hội rộng rãi hơn bằng nhiều cách (x. 1Cor 12,12-27) ³. Được về quê trời và hiện diện trước nhan Chúa (x. 2Cor 5,8) nhờ Người, với Người và trong Người, các Thánh không ngừng cầu bầu cho chúng ta bên Chúa Cha ⁴, bằng cách trình bày các công nghiệp đã lập được khi còn ở dưới thế, nhờ Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người là Chúa Giêsu Kitô (x. 1Tm 2,5), khi họ đã phục vụ Chúa trong mọi sự, và hoàn tất nơi thân xác họ những gì còn thiếu sót trong các đau khổ của Chúa Kitô, hầu mưu ích cho Thân Thể Người là Giáo Hội (x. Col 1,24) ⁵. Do đó, với tình huynh đệ, các ngài lo lắng giúp đỡ chúng ta rất nhiều vì chúng ta yếu hèn. ^{64*}

50. Tương quan giữa Giáo Hội lữ hành và Giáo Hội trên trời. Nhận biết đúng đắn sự hiệp thông này trong toàn Nhiệm Thể Chúa Giêsu Kitô, ngay từ buổi đầu của Kitô giáo, Giáo Hội lữ hành hết lòng kính nhớ, dâng lời cầu cho những người đã chết ⁶, "vì cầu nguyện cho người chết để họ được giải thoát khỏi tội lỗi là một ý nghĩ lành thánh" (2Mac 12,46). Đối với các tông đồ và những vị tử đạo của Chúa Kitô, là những chứng nhân cao cả đã đổ máu vì đức tin và đức ái, Giáo Hội luôn tin rằng, các ngài liên kết với chúng ta khắng khít hơn trong Chúa Kitô: với lòng yêu mến đặc biệt, Giáo Hội tôn kính các ngài cùng Đức Trinh Nữ Maria và các Thánh Thiên Thần ⁷, và sốt sắng nài xin các ngài trợ giúp và cầu bầu cho. Sau đó không bao lâu, thêm vào số các vị trên, Giáo Hội còn tôn kính những người đã nhiệt thành noi gương khiết trinh và khó nghèo của Chúa Kitô ⁸; và sau cùng, có những người vì đã thực hành cách phi thường các nhân đức Kitô giáo ⁹ và được Chúa ban nhiều ân điển, nên được các tín hữu thành tâm tôn kính và noi theo ¹⁰.

Quả thực, khi ngắm nhìn đời sống những người đã trung thành bước theo Chúa Kitô, chúng ta khám phá ra một lý do mới thúc đẩy chúng ta tìm kiếm Thành Thánh tương lai (x. Dth 13,14 và 10,11), đồng thời chúng ta cũng biết con đường chắc chắn giúp chúng ta đạt tới sự kết hiệp hoàn toàn với Chúa Kitô, nghĩa là đạt tới sự thánh thiện, giữa bao thăng trầm trần thế, tùy theo bậc sống và hoàn cảnh riêng của mỗi người ¹¹. Qua cuộc sống của những người cùng mang một bản tính nhân loại như chúng ta, nhưng đã được biến đổi nên giống hình ảnh Chúa Kitô hơn (x. Cor 3,18), Thiên Chúa tỏ lộ rõ ràng cho con người thấy dung nhan và sự hiện diện của Ngài. Chính Ngài nói với chúng ta qua các vị ấy và ban cho chúng ta thấy dấu chỉ Nước Ngài ¹², và mãnh liệt lôi cuốn chúng ta tới Nước ấy nhờ số chứng nhân đông đảo như mây trời (x. Dth 12,1) và nhờ chân lý Phúc Âm được chứng thật như thế.

Tuy nhiên, chúng ta kính nhớ các Thánh trên trời không chỉ vì gương lành các ngài mà thôi, nhưng đúng hơn để sự hiệp nhất của toàn thể Giáo Hội trong Thánh Thần được bền vững nhờ

thực hành đức bác ái huynh đệ (x. Eph 4,1-6). Thực vậy, cũng như mỗi hiệp thông giữa các Kitô hữu còn sống trên dương thế đưa chúng ta tới gần Chúa Kitô hơn, thì sự liên kết với các Thánh cũng hiệp nhất chúng ta với Người, là Đầu và là Nguồn phát sinh mọi ân sủng và sự sống của chính Dân Thiên Chúa [13](#). Do đó, điều hết sức thích đáng là chúng ta yêu mến các bạn hữu và những người đồng thừa tự của Chúa Kitô, cũng là anh em và ân nhân đặc biệt của chúng ta, cũng như chúng ta dâng lời cảm tạ Thiên Chúa vì các ngài [14](#) và "thành khẩn van nài, chạy đến xin các ngài cầu nguyện và trợ lực, giúp đỡ, hầu Chúa Cha ban cho nhiều ơn lành, nhờ Chúa Giêsu Kitô, Con Chúa, Chúa chúng ta, Đấng Cứu Chuộc và Giải Thoát duy nhất của chúng ta" [15](#). Thực vậy, mọi bằng chứng đích thực biểu lộ tình yêu chúng ta đối với các Thánh trên trời, từ bản chất, luôn qui hướng và kết thúc nơi Chúa Kitô là "triều thiên của toàn thể các Thánh" [16](#), và nhờ Người qui hướng và kết thúc nơi Thiên Chúa, Đấng đáng ca tụng và tôn vinh trong các Thánh [17](#).

Hơn nữa, sự hiệp nhất của chúng ta với Giáo Hội trên trời được thực hiện cách hết sức cao cả, đặc biệt trong Phụng Vụ, ở đó quyền năng Thánh Thần hoạt động trên chúng ta qua các dấu chỉ bí tích, ở đó chúng ta cùng lớn tiếng ngợi khen Thiên Chúa uy linh [18](#), và tất cả mọi người thuộc mọi chi tộc, ngôn ngữ, dân tộc và quốc gia được cứu chuộc trong máu Chúa Kitô (x. Kh 5,9), hợp nhau trong một Giáo Hội duy nhất, đồng thanh chúc tụng một Thiên Chúa Ba Ngôi. Bởi vậy, khi cử hành lễ hy tế tạ ơn, chúng ta kết hợp rất mật thiết với việc thờ phượng của Giáo Hội trên trời, vì hiệp cùng Giáo Hội, chúng ta kính nhớ trước hết Đức Maria vinh hiển, trọn đời Đồng Trinh, sau là Thánh Giuse, các Thánh Tông Đồ và Tử Đạo cùng toàn thể các Thánh [19](#). [65*](#)

51. Hướng dẫn mục vụ của Công Đồng. Thánh Công Đồng kính cẩn đón nhận niềm tin cao trọng của tiền nhân chúng ta trong việc hiệp thông sống động với các anh em được hiển vinh trên trời hay còn phải tinh luyện sau khi chết, và lấy lại các sắc lệnh của các thánh Công Đồng Nicea II [20](#), Firenze [21](#) và Trentô [22](#). Đồng thời, vì quan tâm đến mục vụ, Công Đồng khuyên nhủ tất cả những vị hữu trách hãy hết sức ngăn cản và sửa dạy những ai lạm dụng, thái quá hay bất cập, và hãy tái lập mọi sự để Thiên Chúa và Chúa Kitô được ngợi khen cách trọn hảo hơn. Bởi vậy, các ngài hãy dạy cho tín hữu biết rằng, việc tôn kính các Thánh đích thực không hệ tại nhiều ở những việc bề ngoài bằng ở cường độ tình yêu tích cực của chúng ta. Tình yêu ấy giúp chúng ta tìm thấy "một gương mẫu trong khi gặp gỡ các ngài, được thông hiệp qua việc kết hợp với các ngài và được các ngài cầu bầu trợ giúp" [23](#), để đem lại nhiều lợi ích cho Giáo Hội và cho chúng ta. Đáng khác, ước gì các ngài cũng hãy giúp các tín hữu hiểu rằng mối liên lạc giữa chúng ta và các Thánh trên trời, hiểu theo ánh trọn vẹn của đức tin, không hề làm suy giảm sự tôn thờ dành riêng cho Thiên Chúa Cha nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần, nhưng trái lại còn làm cho sự tôn thờ ấy thêm phong phú hơn [24](#).

Vì tất cả chúng ta đều là con cái Thiên Chúa và hợp thành một gia đình trong Chúa Kitô (x. Dth 3,6), nên khi hiệp thông với nhau trong tình yêu qua lời đồng thanh ca tụng Chúa Ba Ngôi chí thánh, chúng ta cùng đáp lại lời mời gọi thân tình của Giáo Hội, và được tham dự, cảm mến trước phụng vụ vinh hiển toàn hảo [25](#). Vì khi Chúa Kitô hiện đến và khi kẻ chết sống lại trong vinh quang, ánh sáng Thiên Chúa sẽ chiếu soi Thành Thánh trên trời và Con Chiên sẽ là đuốc sáng (x. Kh 21,23). Toàn thể Giáo Hội các Thánh sẽ thờ lạy Thiên Chúa và "Con Chiên đã bị giết" (Kh 5,12) trong hạnh phúc sung mãn của đức ái, và đồng thanh ca tụng rằng: "Ngợi khen, danh dự, vinh hiển, quyền năng muôn đời cho Đấng ngự trên ngai và Con Chiên" (Kh 5,13-14) [66*](#).

Chú Thích:

61* Chương này được khai sinh theo ước muốn của Đức Gioan XXIII.

Được Ủy ban Thần học soạn thảo lại, chương này được mọi người công nhận là một phần của hiến chế mới (lược đồ đề trình bảy giờ chỉ có 4 chương). Nội dung của chương được tổng hợp trong tựa đề. Công Đồng nhấn mạnh tới hành động tôn vinh Thiên Chúa của tất cả Thân Thể Chúa Kitô là Giáo Hội dưới đất cũng như trên trời. Cơ cấu của chương như sau: số 48 nói lên hai giá trị của Giáo Hội trong đó những thành phần dưới thế cùng tồn tại với những thành

phần cố định; các số 49 và 50 trình bày những mối dây liên kết Kitô hữu còn ở trần gian với những người đã lên trời hoặc ở trong luyện ngục: các Thánh trên trời cầu bầu cho chúng ta là những kẻ lữ hành (số 49), mối tương quan giữa các Ngài với chúng ta (số 50). Từ giáo lý này mà số 51 rút ra những hậu kết có tính cách mục vụ.

62* Số 48: Đặc tính cánh chung của ơn gọi chúng ta.

Trong cuộc sống hiện tại, ơn gọi của chúng ta là: được Chúa Kitô thánh hóa, chúng ta cùng với Người tiến về sự thánh thiện viên mãn trong đời sống vĩnh cửu, khi chúng ta được chiêm ngưỡng chính Thiên Chúa. Cuộc lữ hành đòi chúng ta phải ý thức về mối liên hệ giữa đời sống hiện tại của chúng ta với đời sống vĩnh cửu, để với lòng tin vững chắc vào Chúa Kitô Cứu Thế và hy vọng một vinh quang mai hậu, chúng ta chịu đựng những nghịch cảnh đời này, và chống lại ma quỷ. Đời sống Kitô giáo có sự liên tục giữa đời sống dưới thế và đời sống vĩnh cửu trên trời. Có ý thức sống động được chân lý này, chúng ta mới nghĩ đến những người đã về trời. Và điều đó làm chúng ta hiểu sâu sắc hơn về chính mẫu nhiệm Giáo Hội: là thực hiện sự hiệp thông giữa mọi người trong Chúa Kitô, là sự hiện diện sống động của các thực tại trên trời giữa dòng đời trần gian. Như thế, khi tín hữu nhớ lại lời Chúa và các Tông Đồ đã nói, có thể nhận ra sự liên lạc mật thiết giữa các chân lý này và tầm quan trọng nền tảng của chúng đối với đời sống Kitô giáo.

63* Các số 49-50: Sự hiệp thông giữa Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời.

Đây là nền tảng giáo lý của cả chương, nghĩa là Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời tạo thành một Dân Chúa, một Thân Thể Chúa Kitô. Công Đồng giải thích sự hiệp nhất này vì dựa vào căn bản là những mối dây liên lạc sống động giữa chúng ta, những người lữ hành trên dương thế, và những người đã đạt tới quê trời. Trong số những hoạt động và những mối liên quan ấy, điều đáng kể là việc các Thánh cầu bầu cho cả Giáo Hội.

1 CĐ Firenze, *Decretum pro Graecis*: Dz 693 (1305).

2 Ngoài những tài liệu xưa hơn có từ thời Đức Alexandrô IV ngăn cấm mọi hình thức chiêu hồn (27-9-1258), xem Tđ. của Bộ thánh vụ *De magnetismi abusu*, 4-8-1856: ASS (1865) trg 177-178; Dz 1653-1654 (2823-2825); câu trả lời của Bộ thánh vụ, 24-4-1917: AAS 9 (1917), trg 268, Dz 2182 (3642).

3 Xem bài đúc kết học thuyết này của T. Phaolô, trong Tđ. Piô XII, *Mystici Corporis*: AAS 35 (1943), trg 200 và nhiều nơi khác.

4 Xem T. Augustinô, *Enarr. in Ps. 85, 24*: PL 37, 1099. T. Hieronimô, *Liber contra Vigilantium*, 6: PL 23, 344. T. Tôma, *In Ivm Sent.*, d. 45, q. 3, a. 2. T. Bonaventura, *In Ivm Sent.*, d. 45, a. 3, q. 2; v.v...

5 Xem Piô XII, Tđ. *Mystici Corporis* : AAS 35 (1943), trg 245.

64* Số 49: Nền tảng giáo lý và sự liên hệ giữa các Thánh trên trời và Giáo Hội.

Nền tảng tín lý được trình bày rõ ràng và chính xác để tránh những khuynh hướng cực đoan và để giúp cho nhu cầu hiệp nhất được dễ dàng hơn. Công Đồng dạy rằng, cho tới khi Chúa lại đến trong vinh quang, một số người đã ở trên Nước Trời, một số khác ở trong luyện ngục, một số khác nữa đang trên đường tiến về đời sau, nhưng tất cả đều kết hiệp với Chúa Kitô làm nên một Giáo Hội duy nhất. Công Đồng cũng dạy rằng, các Thánh trên trời lấy tình thương phù trợ đặc biệt cho những người anh em khác, và củng cố cũng như làm đẹp Giáo Hội trần gian.

6 Xem rất nhiều bi ký trong các hầm mộ cổ ở Roma.

7 Xem Gelasiô I, giáo lệnh *De libris recipiendis*, 3 : PL 59, 160; Dz 165 (353).

8 Xem Methodiô, *Symposion VII*, 3 : GCS (Bonwetsch), trg 74.

9 Xem Benedictô XV, *Decretum approbationis virtutum in Causa beatificationis et canonizationis Servi Dei Joannis Nepomuceni Neumann*: AAS 14 (1922), trg 23. Nhiều diễn văn của Đức Piô XI về các thánh: *Inviti all'eroismo*, trong *Discorsi e Radiomessaggi* bộ I-III, 1941-1942, và nhiều nơi khác. Đức Piô XII, *Discorsi e Radiomessaggi*, bộ 1949, 37-43.

10 Xem Piô XII, Tđ. *Mediator Dei* : AAS 39 (1947), trg 581.

11 Xem Dth 13,7; Hđ 44-50; Dth 11,3-40.

Xem thêm Piô XII, Tđ. Mediator Dei: AAS 39 (1947), trg 582-583.

12 Xem CĐ Vat. I, Hiến chế về đức tin công giáo Dei Filius, ch. 3: Dz 1794 (3013).

13 Xem Piô XII, Tđ. Mystici Corporis : AAS 35 (1943) trg 216.

14 Về sự biết ơn đối với chính các thánh, xem E. Diehl, Inscriptiones Latinae veteres, I, Berlin, 1925, các số 2008, 2382 và nhiều nơi khác.

15 CĐ Trentô, sắc lệnh De invocatione... sanctorum: Dz 984 (1821).

16 Sách nguyện Roma, Tiền xướng trong lễ các Thánh.

17 Xem ví dụ: 2Th 1,10.

18 CĐ Vaticanô II, Hiến chế Phụng vụ Thánh, Sacrosanctum Concilium, ch. 5, số 104 : AAS 56 (1964), trg 125-126.

19 Xem Sách lễ Roma, Lễ qui.

65* Số 50: Sự liên hệ giữa Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời.

Số này trình bày cách thức mà Giáo Hội lữ hành phải có, để trong thực hành, tạo được sự hiệp thông đã nói trong đoạn trước. Công Đồng đưa ra những động lực chính yếu giúp xây dựng và phát huy sự hiệp thông của chúng ta với Giáo Hội trên trời. Những động lực đó như sau: những người đã về trời nêu gương cho chúng ta một đời sống đạo chính thực; sự liên lạc với họ sẽ đưa chúng ta tiến tới việc kết hợp khăng khít hơn với Chúa Kitô; sự hiệp thông với họ làm cho việc phụng tự qui về Chúa Kitô nơi Giáo Hội trần gian được sung mãn. Ở nhiều nơi, Hiến Chế ám chỉ tới lịch sử Giáo Hội, để làm sáng tỏ hơn những nền tảng thần học của giáo lý đã trình bày và cũng để cho sự trình bày này được sống động hơn, tương xứng hơn với nhu cầu mục vụ.

Đoạn nhất nói lên những cách thức hiệp thông tổng quát với các người anh em không thuộc về Giáo Hội trần gian: kính nhớ và vọng độ cách chung, tôn kính và nài xin cầu bầu. Đoạn hai nhấn mạnh tới gương mẫu các Thánh nêu ra cho đời sống Kitô giáo chúng ta, hoặc dưới khía cạnh sự phạm hoặc dưới khía cạnh minh giáo. Đoạn ba chúng ta thấy việc tôn kính các Thánh chính thực sẽ thúc giục chúng ta thực thi bác ái huynh đệ và liên kết chúng ta với Chúa Kitô bền chặt hơn. Tình bác ái huynh đệ nơi chúng ta là những khách lữ hành không bị suy giảm, trái lại còn làm gia tăng đặc tính qui về Chúa Kitô của Kitô giáo. Cũng vì lý do đó, sự liên lạc và hiệp thông với các Thánh trên trời đã không làm cản trở nhưng còn giúp đỡ cách lạ lùng cho tình yêu và sự kính thờ Ba Ngôi Thiên Chúa. Đoạn bốn có xác quyết căn bản như sau: việc tế tự phụng vụ của Giáo Hội thực hiện tất cả những gì đã nói về sự liên hệ với các Thánh trên trời.

20 Xem CĐ Nicea II, văn kiện VII : Dz 302 (600).

21 Xem CĐ Firenze, Decretum pro graecis : Dz 693 (1304).

22 Xem CĐ Trentô, sắc lệnh De invocatione, veneratione et reliquiis Sanctorum et sacris imaginibus: Dz 984-988 (1821-1824), sắc lệnh De Purgatorio: Dz 983 (1820); sắc lệnh De justificatione, khoản 30: Dz 840 (1580).

23 Sách lễ Roma, kinh Tiền tụng, dùng trong các giáo phận Pháp.

24 Xem T. Phêrô Canisiô, Catechismus Maior seu Summa Doctrinae christianae, ch. III, x.b. F. Streicher, phần I, trg 15-16, số 44 và trg 100-101, số 49.

25 Xem CĐ Vat II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium, ch. I, số 8: AAS 56 (1964), trg 401.

66* Số 51: Hậu kết mục vụ.

Một vài hậu kết có tính cách mục vụ theo sau những nguyên tắc đã đề ra. Hậu kết đó bao gồm một số ý hướng căn bản để việc tôn kính các Thánh được thực hiện trong tinh thần đúng đắn và để có thể ngăn ngừa những hình thức thái quá hay bất cập ở một vài nơi. Một đảng Công Đồng chủ trương rõ ràng giá trị việc tôn kính các Thánh không cốt tại gia tăng các hành động bên ngoài, nhưng do cường độ tình yêu của chúng ta; đảng khác Công Đồng quả quyết việc tôn kính ấy không đi ngược với tình yêu Thiên Chúa, với việc tôn thờ dành cho mình Ngài. Số này chứa đựng nhiều điều có thể cổ vũ cho việc hiệp thông với các anh em ly khai, đặc biệt

với anh em Đông Phương, vì giáo lý thuộc đức tin của chúng ta đây đối với họ hết sức quan trọng, làm nên một di sản chung về đức tin và về sự kính nhớ.

Phần kết luận cho toàn chương (51, đoạn hai) quả quyết rằng hiện đại hóa sự hiệp thông của tất cả những người thuộc về Chúa Kitô là đã bắt đầu cuộc sống vinh quang, và như vậy là ngay ở chốn lưu đày này đã thực hiện được cùng đích của đời ta vì đã được tham dự và thưởng thức phụng vụ vinh hiển trên trời.

VỀ MỤC LỤC

CÓ TIỀN MUA TIỀN KHÔNG ĐƯỢC ??

Theo đệ nhị luật, trưởng nam là kẻ thừa kế gia tài cha mẹ, được nhận gấp đôi phần của các em (Đnl 21,17).

Luật quy định rõ ràng như vậy, nhưng người ta vẫn vi phạm. Bài Tin Mừng (Lc 12, 13-21) kể truyện một người tới thưa với Chúa : “Thưa thầy, xin thầy bảo anh tôi chia gia tài cho tôi”. Có lẽ người anh đã chiếm giữ tất cả, người em chỉ còn nước đi kiện. Thông thường, người bị thiệt tới xin các thầy Pharisiêu, ký lục xét xử. Phán quyết của họ có giá trị trước cộng đoàn, bắt đôi bên nguyên / bị phải tuân theo.

Tới Chúa Kitô xin Ngài xét xử, người ta xem Chúa như một thầy ký lục hoặc Pharisiêu nghĩa là xem Chúa ở bậc “*thầy dạy*”. Chúa không phân xử chính ngay nội dung vụ người ta yêu cầu. Chúa nói : “*Này anh, ai đặt tôi làm thẩm phán hay làm trọng tài giữa các anh*”. Qua vụ kiện này Chúa vạch ra cho biết nguyên nhân sâu xa là lòng tham lam tiền bạc và mọi thứ tham lam khác. Chúa đã kích quan niệm xem tiền bạc là bảo đảm đời sống người ta.

Dụ ngôn Chúa đưa ra rất cụ thể : một phú hộ của cải nhiều, phát đạt quá, phải làm nhà kho lớn để tích trữ thóc lúa. Ông ta tự thỏa mãn, bảo với chính mình hãy hưởng giàu sang, phú quý cả đời chưa hết, tiền bạc bảo đảm ông. Chúa bảo ông ta là hạng ngốc (Giremia 17, 11) vì cái chết đến tiền bạc trở nên vô ích với ông.

Dụ ngôn trên cho ta biết hai điều : tiền tài giúp người ta sống, có thể sống lâu, nhưng không thể sống lâu theo ý muốn người ta. Cái chết đến bất thành linh, lúc người ta không muốn, khi người ta đang ham sống và tiền của tỏ ra bất lực trong vấn đề này. Thứ hai lo thu tích nhiều tiền của, khi chết, hai tay buông xuôi, mọi sự vắt lại cả, không có gì mang theo.

Đúng là nhà phú hộ hạng ngốc. Thánh vịnh nói hạng ngốc sống không cần biết Chúa (Tv 13 (14), 1). Ông này chỉ biết đến tiền bạc và hưởng phú quý do tiền bạc đem lại. Cái chết đến, đồng tiền của, hưởng vinh hoa phú quý trở nên vô nghĩa với ông. Trái lại, người làm giàu nơi Thiên Chúa sống theo ý Chúa, cái chết đến là lúc họ đạt tới đích của cuộc sống, tới cùng cực ý nghĩa đời sống trần gian, họ trở thành giàu có trong Thiên Chúa.

Nói như vậy, không phải khinh chê tiền bạc. Tiền bạc, của cải vật chất tự nó có giá trị để phục vụ con người, để con người không bị lệ thuộc, sống đúng với nhân phẩm của mình. Tiền bạc thực sự không làm thêm tuổi đời, kéo dài đời người, nhưng giúp con người đạt tới tuổi thọ của mình. Thí dụ, vì nghèo khổ thiếu dinh dưỡng, người ta chỉ sống đến 30 tuổi, thay vì tuổi thọ 60, 90, 100. Tiền bạc sẽ giúp người ta cải thiện cuộc sống, tạo nên thuận tiện cho cuộc sống, đạt tới tuổi thọ 100. Rõ ràng tiền bạc, của cải không phải là đảm bảo tuyệt đối cho đời sống, nó chỉ là phương tiện “*gia hạn*” cho cuộc sống trần gian. Người phú hộ đã tưởng rằng tiền của

hiều bảo đảm đời sống ở mức tuyệt đối, cuộc sống viên mãn ở trần gian, mà không nghĩ cái chết đến chấm dứt tất cả.

Kẻ sáng suốt biết tính toán đúng, biết giá trị của tiền của, biết sử dụng nó để làm phong phú đời sống, làm giàu cho đời sống nơi Chúa, không thể dùng tiền bạc để mua Nước Trời. Có tiền mua tiền cũng được ? Chắc chắn tiền bạc không thể mua Nước Trời, trái lại tiền của có lúc là thần Mammon đối nghịch với Thiên Chúa (Lc 16, 13) . Phải biết sử dụng tiền của để sống theo Ý Chúa, làm giàu nơi Chúa bằng bác ái. Kẻ chỉ sống với tiền bạc, hưởng thụ mọi thứ không lành mạnh ở trần gian, cậy tiền của nhiều sống theo dục vọng, thỏa mãn lòng tham quyền chức làm thiệt hại bản thân, linh hồn và thể xác, họ đã dùng tiền của mua lấy án phạt đời đời.

Lời cảm ơn của tác giả:

Con viết bài này sau ngày 28-7-2013 , ngày Đức Cha Phêro Nguyễn Văn Khảm đến cử hành lễ nhậm chức Cha sở của Cha Laurenso và con từ giả Giáo xứ Xây dựng . Con xin cảm ơn Đức Hồng Y cho con nghỉ hưu , cảm ơn Đức Cha Phêro , Cha Đại diện Đức Hồng Y đặc trách linh mục, Cha Hạt trưởng Chí hòa, Quý Cha, Quý Soeurs, Quý khách , cách riêng Hội đồng Mục vụ Giáo xứ Xây dựng, các Hội đoàn và Quý ông bà anh chị em Giáo xứ Xây dựng đã cộng tác với con trong suốt bao năm qua.

Lm Fx Nguyễn hùng Oánh

VỀ MỤC LỤC

Bản dịch chương II - THÔNG ĐIỆP ÁNH SÁNG ĐỨC TIN

Phaolô Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ theo bản Latinh, Tiếng Anh và Tiếng Pháp của Tòa Thánh

THÔNG ĐIỆP ÁNH SÁNG ĐỨC TIN - LUMEN FIDEI CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ GỬI CHO CÁC GIÁM MỤC, LINH MỤC VÀ PHÓ TẾ NHỮNG NGƯỜI ĐÃ THÁNH HIẾN VÀ TÍN HỮU GIÁO DÂN VỀ ĐỨC TIN

CHƯƠNG HAI NẾU ANH EM KHÔNG TIN, ANH EM SẼ KHÔNG HIỂU (X. Is 7:9)

Đức tin và chân lý

23. Nếu ngài không tin, thì ngài không hiểu (x. Is 7: 9). Bản Hy Lạp của Thánh Kinh Do Thái, bản Bảy Mươi phát hành ở Alexandria Ai Cập, dịch những lời của ngôn sứ Isaia nói cùng vua Aha. Bằng cách này vấn đề hiểu biết về chân lý chiếm vị thế trung tâm của đức tin. Tuy nhiên, trong văn bản tiếng Do Thái, chúng ta đọc khác. Ở đó, ngôn sứ nói với nhà vua: “Nếu

ngài không tin, ngài không thể đứng vững.” Ở đây có một cách chơi chữ, dựa trên hai hình thức của động từ ‘amàn: “ngài tin” (*ta’aminu*), và “ngài có thể đứng vững” (*ta’amenu*). Sợ hãi vì sức mạnh của quân thù, nhà vua tìm an toàn mà việc liên minh với đại đế quốc Assyria có thể cung cấp cho vua. Khi ấy, ngôn sứ yêu cầu nhà vua nên chỉ dựa vào đá tảng thực sự, đá tảng không ai có thể lay chuyển nổi, là Thiên Chúa của dân Israel. Vì Thiên Chúa đáng tin cậy, thật là hợp lý để tin vào Ngài, để xây dựng sự an toàn thích đáng của vua dựa trên Lời Ngài. Chính Ngài là Thiên Chúa mà chẳng bao lâu nữa ngôn sứ Isaia sẽ gọi hai lần, “*Thiên Chúa của Amen*” (x. Is 65:16), nền tảng bền vững của lòng trung thành với Giao Ước. Người ta có thể nghĩ rằng bản Hy Lạp của Thánh Kinh, khi dịch “*đứng vững*” thay vì “*hiều*”, đã tạo ra một thay đổi sâu xa trong văn bản, vì việc đổi từ khái niệm tin tưởng vào Thiên Chúa trong Thánh Kinh sang khái niệm hiểu biết của Hy Lạp. Bản dịch này, tuy chắc chắn là chấp nhận đối thoại với nền văn hóa Hy Lạp, nhưng đã không bỏ qua động lực cơ bản sâu xa của văn bản Do Thái. Thật ra, lời hứa chắc chắn của ngôn sứ Isaia cho nhà vua, là do sự hiểu biết về hoạt động của Thiên Chúa cùng sự hiệp nhất mà Ngài ban cho đời sống con người và lịch sử của dân Ngài. Ngôn sứ khuyến khích nhà vua hiểu đường lối của Chúa, bằng cách tìm kiếm trong sự thành tín của Thiên Chúa chương trình khôn ngoan đang điều khiển nhiều kỷ nguyên. Thánh Augustinô đã trình bày sự tổng hợp của “hiều biết” và “đứng vững” trong sách Tư Thú của ngài khi ngài nói về chân lý, mà dựa vào đó chúng ta có thể đứng vững “*trong Ngài [Chúa], trong chân lý của Ngài, con sẽ được kiên định và vững vàng*” [17]. Từ bối cảnh này, chúng ta biết rằng Thánh Augustinô muốn vạch ra cách chân lý đáng tin cậy này của Thiên Chúa trung thành hiện diện trong lịch sử như thế nào, khả năng giữ thời gian của nó, qua việc kết hợp những ngày bị phân tán của con người, như thấy rõ trong Thánh Kinh [18].

24. Khi đọc dưới ánh sáng này, đoạn văn của ngôn sứ Isaia đưa đến một kết luận: *con người cần sự hiểu biết, cần chân lý, bởi vì không có nó, con người không thể đứng vững được.* Đức tin, nếu không có chân lý, thì không có khả năng cứu độ, không đảm bảo được bước đi của chúng ta. Nó vẫn còn là một câu chuyện đẹp, phóng chiếu những ao ước hạnh phúc của chúng ta, một cái gì đó mà chỉ thỏa mãn chúng ta vì chúng ta muốn lừa dối chính mình. Hoặc nó bị giảm xuống thành một cảm giác tốt đẹp, có thể an ủi và sưởi ấm, nhưng vẫn còn liên quan đến tâm trạng của chúng ta, theo sự thay đổi của thời gian, không có khả năng nâng đỡ một cuộc hành trình liên tục trong đời sống chúng ta. Nếu đức tin là như thế, thì vua Aha đã làm đúng vì đã không đánh cá cuộc sống và sự an toàn của vương quốc của ông trên một cảm giác. Bằng sự nối kết nội tại của nó với chân lý, đức tin có thể cung cấp một ánh sáng mới trên các tính toán của nhà vua, bởi vì nó thấy xa hơn, bởi vì nó bao gồm các hoạt động của Thiên Chúa, trung thành với Giao Ước và những lời hứa của Ngài.

25. Ngày nay, chính vì cuộc khủng hoảng chân lý mà trong đó chúng ta đang sống, nên hơn bao giờ hết, chúng ta cần phải nhắc lại mối liên hệ giữa đức tin và chân lý. Trong văn hóa đương thời, người ta thường có khuynh hướng chỉ chấp nhận như chân lý những sự thật của kỹ thuật: chân lý là những gì con người có thể xây dựng và đo lường dựa vào kiến thức của họ. Một điều là chân lý vì nó hiệu quả, do đó làm cho cuộc sống được thoải mái và dễ dàng hơn. Ngày nay chân lý ấy dường như là chân lý chắc chắn duy nhất, duy nhất mà chúng ta có thể chia sẻ với những người khác, duy nhất mà chúng ta có thể thảo luận và trong đó người ta có thể cùng nhau tham gia. Hơn nữa còn có những chân lý của mỗi người, bao gồm tình trạng đích thực mà mọi người đều cảm thấy trong lòng, những chân lý chỉ có giá trị cho cá nhân và không có thể đề nghị cho những người khác với ý định phục vụ công ích. Chân lý cao cả, chân lý giải thích tất cả mọi sự của cuộc sống cá nhân và xã hội, bị người ta nhìn với đôi mắt nghi ngờ. Người ta tự hỏi rằng nó chẳng phải là chân lý mà những chế độ chuyên chế lớn của những thế kỷ trước đã mong muốn, một chân lý áp đặt vũ trụ quan của nó để nghiền nát lịch sử cụ thể của từng cá nhân sao? Chung cuộc, chỉ còn lại một thuyết tương đối, trong đó câu hỏi về chân lý phổ quát, mà cơ bản cũng là một câu hỏi về Thiên Chúa, không còn được quan tâm nữa. Trong bối cảnh này, việc người ta muốn loại bỏ sự kết nối giữa tôn giáo với chân lý là điều hợp lý, bởi vì sự kết nối ấy sẽ là căn nguyên của cuồng tín, tìm cách để đàn áp những người không chia sẻ cùng một niềm tin. Chúng ta có thể nói, về đề tài này, về một sự mất trí nhớ lớn trong thế giới hiện đại của chúng ta. Thực ra, câu hỏi về chân lý là một vấn đề của ký

ức, của ký ức sâu xa, bởi vì nó đề cập đến những người đi trước chúng ta, và nó có thể thành công trong việc kết hợp chúng ta một cách vượt trên “cái tôi” nhỏ bé và giới hạn của mình. Đây là một câu hỏi về nguồn gốc của tất cả, trong ánh sáng của nó người ta có thể nhìn thấy mục đích và cũng là ý nghĩa của con đường chung của chúng ta.

Sự hiểu biết về chân lý và tình yêu

26. Trong trường hợp này, đức tin Kitô giáo có thể cung cấp một phục vụ cho công ích về một cách thể đúng đắn để hiểu chân lý không? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần phải suy nghĩ về loại kiến thức phù hợp với đức tin. Một cách diễn tả của Thánh Phaolô có thể giúp cho điều này, khi ngài nói, “*tin trong trái tim*” (x. Rm 10:10). Theo Thánh Kinh thì trái tim là trung tâm của con người, là nơi giao nhau của tất cả các chiều kích khác nhau của nó: thân thể và tinh thần; nội tâm của con người và sự cởi mở của người ấy với thế giới và với những người khác; trí tuệ, ý chí và tình cảm. Vâng, nếu trái tim có khả năng kết hợp các chiều kích này, vì nó là nơi mà chúng ta mở lòng ra cho chân lý và tình yêu, và là nơi chúng ta để cho mình được chạm đến và biến đổi sâu xa bởi chúng. Đức tin biến đổi toàn thể con người, theo mức độ mà nó mở ra cho tình yêu. Chính ở nơi gặp gỡ giữa đức tin với tình yêu này mà chúng ta biết được loại hiểu biết thích hợp với đức tin, sức thuyết phục và khả năng soi sáng những bước đi của chúng ta của nó. Đức tin biết theo mức độ mà nó gắn liền với tình yêu, theo mức độ mà tình yêu tự nó mang một ánh sáng. Sự hiểu biết về đức tin là điều phát sinh khi chúng ta nhận được tình yêu cao cả của Thiên Chúa là Đấng biến đổi chúng ta từ bên trong và ban cho chúng ta đôi mắt mới để nhìn thực tại.

27. Cách thế mà triết gia Ludwig Wittgenstein giải thích về mối liên hệ giữa đức tin và sự chắc chắn được rất nhiều người biết đến. Theo ông thì tin tưởng tự như kinh nghiệm về yêu đương, một kinh nghiệm được hiểu như chủ quan, mà người ta không thể đề nghị như một chân lý thích hợp cho tất cả mọi người [19]. Thực ra, đối với con người hiện đại câu hỏi về tình yêu dường như không có liên quan gì đến chân lý. Tình yêu ngày nay được hiểu như một kinh nghiệm liên quan đến thế giới cảm xúc hay thay đổi, chứ không còn là chân lý.

Đây có thực sự là một mô tả đầy đủ về tình yêu không? Thực ra, tình yêu không thể bị thu gọn thành một cảm xúc nay đến mai đi. Đương nhiên nó ảnh hưởng đến yếu tố tình cảm của chúng ta, nhưng để mở ra cho người mình yêu và để bắt đầu một cuộc hành trình, thì phải từ bỏ việc đóng cái “tôi” riêng lại để đi về phía người khác, để xây dựng một mối liên hệ lâu dài; tình yêu là sự hiệp thông với người mình yêu. Do đó, rõ ràng theo một nghĩa nào đó, tình yêu cần chân lý. Chỉ khi nào tình yêu dựa trên chân lý thì nó mới có thể đứng vững với thời gian, vượt trên những giây phút thoáng qua và vững vàng để nâng đỡ một cuộc hành trình chung. Nếu tình yêu không liên kết với chân lý, nó lệ thuộc vào sự bất ổn của tình cảm và không thể vượt qua được sự thử thách của thời gian. Tuy nhiên, tình yêu đích thực, kết hợp tất cả các yếu tố của con người chúng ta, và trở thành một ánh sáng mới hướng đến một cuộc sống cao cả và sung mãn. Nếu không có chân lý thì tình yêu không thể cung cấp mối dây liên hệ vững chắc, nó không thành công trong việc đem cái “tôi” ra khỏi sự cô lập, cũng không giải phóng nó khỏi những giây phút thoáng qua để xây dựng đời sống và sinh hoa kết quả.

Nếu tình yêu cần chân lý, thì chân lý cũng cần tình yêu. Tình yêu và chân lý không thể tách rời nhau được. Nếu không có tình yêu, chân lý trở nên lạnh lẽo, trở thành vô cảm và đàn áp cuộc sống cụ thể của con người. Chân lý mà chúng ta tìm kiếm đem lại ý nghĩa cho bước đường của chúng ta, soi sáng chúng ta khi chúng ta được tình yêu chạm đến. Ai yêu thì hiểu rằng tình yêu là một kinh nghiệm về chân lý, chính nó mở mắt chúng ta để thấy toàn thể thực tại một cách mới mẻ, trong sự kết hợp với người mình yêu. Theo nghĩa này, Thánh Grêgôriô Cả đã viết rằng “*amor ipse notitia est*” - *tình yêu tự nó là kiến thức*, mang trong nó một luận lý mới [20]. Nó là một cách nhìn về thế giới với sự liên hệ, trở thành sự hiểu biết được chia sẻ, một cái nhìn theo nhãn quan của người khác và cái nhìn chung về tất cả mọi sự. Guillaume de Saint Thierry, thời Trung cổ, theo truyền thống này khi ông chú giải về một câu Nhã Ca mà ở đó tình quân nói với tình lang: *Đôi mắt của em là mắt bồ câu* (x. Nc 1:15) [21]. Guillaume giải

thích rằng đôi mắt của người yêu, là lý trí có đức tin và tình yêu, sẽ trở thành một mắt duy nhất để chiêm ngắm Thiên Chúa, khi trí tuệ là “một trí tuệ của tình yêu được giác ngộ” [22].

28. *Việc khám phá này về tình yêu, như nguồn mạch của sự hiểu biết, là một phần của kinh nghiệm ban đầu của mọi người, được diễn tả bằng một quan niệm về đức tin trong Thánh Kinh.* Nhờ nếm thử tình yêu mà qua đó Thiên Chúa đã chọn họ và thiết lập họ thành một dân tộc, dân Israel cảm nhận được sự thống nhất của kế hoạch của Thiên Chúa, từ khởi thủy của nó cho đến hoàn thành. Sự hiểu biết về đức tin, vì được phát sinh từ tình yêu của Thiên Chúa, là Đáng thực hiện Giao Ước, nên là sự hiểu biết soi sáng cuộc hành trình trong lịch sử. Đây cũng là lý do tại sao trong Thánh Kinh, chân lý và lòng trung thành đi đôi với nhau, và Thiên Chúa thật là Thiên Chúa trung tín, Đáng giữ những lời hứa của Ngài, và cho phép người ta hiểu được kế hoạch của Ngài trong thời gian. Qua kinh nghiệm của các ngôn sứ, trong đau khổ của cuộc lưu đầy và hy vọng về việc dứt khoát trở lại thành thánh, dân Israel có cảm giác rằng chân lý này của Thiên Chúa trải ra ngoài lịch sử họ của nó để bao trùm lịch sử của toàn thể giới, kể từ lúc tạo dựng. Sự hiểu biết về đức tin soi sáng không những chỉ cuộc hành trình đặc biệt của một dân tộc, nhưng toàn thể cuộc hành trình của thế giới tạo vật, từ nguyên thủy của nó để ngày viên mãn.

Đức tin như thánh giác và thị giác

29. *Bởi vì sự hiểu biết về đức tin nối liền với Giao Ước của một Thiên Chúa thành tín, Đáng thiết lập một liên hệ tình yêu với con người và nói với họ bằng Lời, được trình bày trong Thánh Kinh như một sự lắng nghe và liên hệ với thánh giác.* Thánh Phaolô sử dụng một công thức đã trở thành cổ điển: *fides ex auditu*, “đức tin đến bởi nghe” (Rm 10:17). Liên hệ với lời nói, sự hiểu biết luôn luôn là sự hiểu biết cá nhân, một sự hiểu biết nhận ra giọng nói, tự nguyện mở ra cho giọng nói ấy và làm theo nó trong sự vâng phục. Đó là lý do tại sao Thánh Phaolô đã nói về “*sự vâng phục của đức tin*” (x. Rm 1: 5, 16, 26) [23]. Hơn nữa, đức tin là sự hiểu biết liên quan đến quá trình thời gian, mà lời cần phải có để nói: đó là một kiến thức chỉ có thể học được bằng cách đi theo [Thầy] trong cuộc hành trình (*sequela*). Việc nghe giúp ta trình bày lại cách rõ ràng hơn mối liên hệ giữa kiến thức và tình yêu.

Đối với kiến thức về chân lý, đôi khi thánh giác lại trái ngược với thị giác, và đó là sự đặc thù của nền văn hóa Hy Lạp. Nếu, một đàng, ánh sáng giúp chúng ta chiêm ngắm toàn diện những gì mà con người vẫn luôn luôn mơ ước, thì đàng khác, dường như nó không còn dành một chỗ nào cho tự do, vì nó xuống từ trời và đi thẳng vào mắt mà không đòi mắt trả lời. Ngoài ra, nó có vẻ mời một chiêm niệm tĩnh, tách biệt khỏi điều kiện cụ thể trong đó con người vui mừng và đau khổ. Theo quan niệm này, tiếp cận Thánh Kinh về hiểu biết trái ngược với tiếp cận của Hy Lạp, vì người Hy Lạp nối kết kiến thức với thị giác trong khi theo đuổi sự hiểu biết toàn diện về thực tại.

Tuy nhiên, rõ ràng là sự đối chọi giả tạo này không phù hợp với tường thuật trong Thánh Kinh. Cựu Ước, đã dung hòa hai loại hiểu biết này, bởi vì việc lắng nghe Lời Thiên Chúa gắn liền với ước muốn được nhìn thấy Thánh Nhan Ngài. Bằng cách này, có thể khai triển một cuộc đối thoại với nền văn hóa Hy Lạp, đối thoại là trung tâm của Thánh Kinh. Thánh giác minh chứng cho ơn gọi cá nhân và sự vâng phục, cùng sự thật là chân lý được mặc khải trong thời gian; thị giác cung cấp một viễn tượng đầy đủ về toàn thể cuộc hành trình và cho phép nó nằm trong kế hoạch vĩ đại của Thiên Chúa; không có cái nhìn này, chúng ta sẽ chỉ có những mảnh vụn riêng rẽ của một tổng thể hoàn toàn không ai biết đến.

30. *Sự kết nối giữa thị giác và thánh giác, như các cơ quan của sự hiểu biết về đức tin, hiển hiện rõ ràng hơn trong Tin Mừng Thánh Gioan.* Theo Tin Mừng thứ tư thì tin chính là lắng nghe và đồng thời nhìn thấy. Sự lắng nghe của đức tin xảy ra trong hình thức hiểu biết đặc trưng cho tình yêu: đó là một sự lắng nghe cá nhân, phân biệt được và nhận ra giọng của Chúa Chiên Lành (x. Ga 10:3-5); một sự lắng nghe đòi hỏi nơi các môn đệ, như đã xảy ra với các môn đệ đầu tiên, những người “*nghe những lời ấy và đi theo Chúa Giêsu*” (Ga 1:37). Đàng khác, đức tin cũng liên quan đến thị giác. Đôi khi việc nhìn thấy những dấu chỉ của Chúa Giêsu

đi trước đức tin, như với người những Do Thái, sau khi ông Ladarô sống lại, “*nhìn thấy những gì Người đã làm và tin vào Người*” (Ga 11:45). Lần khác, chính đức tin dẫn đến một cái nhìn sâu sắc hơn: “*Nếu con tin, con sẽ nhìn thấy vinh quang của Thiên Chúa*” (Ga 11:40). Cuối cùng, tin và nhìn thấy gắn bó với nhau: “*Ai tin Tôi (...) là tin Đấng đã sai tôi; và ai thấy Tôi là thấy Đấng đã sai Tôi*” (Ga 12:44-45). Nhờ sự liên kết với việc nghe này, cái nhìn trở thành một quyết tâm đi theo Đức Kitô, và đức tin xuất hiện như một tiến trình chăm chú nhìn, trong đó đôi mắt học được thói quen nhìn theo chiều sâu. Và như thế, vào buổi sáng Phục Sinh, chúng ta chuyển từ Gioan, người vẫn còn trong bóng tối trước ngôi mộ trống, “*đã thấy và đã tin*” (Ga 20:8) sang Maria Magdalena là người từ khi “*nhìn thấy Chúa Giêsu*” (x. Ga 20:14) và muốn ôm chặt lấy Người, nhưng được mời chiêm ngắm việc Người lên cùng Chúa Cha; cho đến lời thú nhận trọn vẹn của cũng Maria Magdalena này với các môn đệ: “*Tôi đã thấy Chúa!*” (Ga 20:18).

Làm thế nào mà chúng ta đạt được sự tổng hợp này giữa việc nghe và việc nhìn thấy? Điều này có thể được qua chính con người Chúa Giêsu, là Đấng chúng ta có thể thấy và nghe. Người là Ngôi Lời Nhập Thể, mà chúng ta đã chiêm ngắm vinh quang của Người (x. Ga 1:14). Ánh sáng đức tin là ánh sáng của một Dung Nhan mà trên đó chúng ta thấy Chúa Cha. Thật vậy, trong Tin Mừng thứ tư, chân lý mà đức tin cảm nhận được, là việc tỏ lộ Chúa Cha trong Chúa Con, trong thân xác của Người và trong các việc làm của Người khi còn tại thế, chúng ta có thể định nghĩa chân lý là “*cuộc đời đầy ánh sáng*” của Chúa Giêsu [24]. Điều này có nghĩa là sự hiểu biết về đức tin không mời gọi chúng ta nhìn vào một chân lý hoàn toàn nội tâm. Chân lý mà đức tin mở ra cho chúng ta là một chân lý đặt trọng tâm vào cuộc gặp gỡ Đức Kitô, vào việc chiêm ngắm cuộc đời của Người, vào ý thức về sự hiện diện của Người. Theo ý nghĩa này, Thánh Thôma Aquinô nói về *oculata fides* của các Tông Đồ - *một đức tin nhìn thấy!* – trước việc nhìn thấy thân thể của Đấng Phục Sinh [25]. Các ông đã nhìn thấy Chúa Giêsu Phục Sinh với đôi mắt của các ông và các ông đã tin, nghĩa là các ông đã có thể thấu suốt chiều sâu của những gì các ông thấy để tuyên xưng Con Thiên Chúa, Đấng đang ngự bên hữu Chúa Cha.

31. *Chỉ bằng cách này, qua việc Nhập Thể, qua việc chia sẻ bản tính của nhân loại chúng ta, mà sự hiểu biết đúng về tình yêu có thể hoàn toàn thể hiện.* Thực ra, ánh sáng tình yêu này sinh khi con tim chúng ta được chạm đến, và chúng ta đón nhận sự hiện diện nội tâm của Đấng mình yêu, là Đấng cho phép chúng ta nhận ra màu nhiệm của Người. Như vậy, chúng ta hiểu lý do tại sao, với thánh giá và thị giác, đức tin, theo Thánh Gioan, là một “*sự chạm đến*”, như ngài nói trong thư thứ nhất: “*(...) điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã thấy tận mắt (...) điều tay chúng tôi đã chạm đến là Lời ban sự sống*” (1 Ga 1: 1). Qua việc Nhập Thể của Người, qua việc đến giữa chúng ta, Chúa Giêsu đã chạm vào chúng ta, và qua các Bí Tích Người cũng chạm vào chúng ta hôm nay; bằng cách này, qua việc biến đổi tâm hồn chúng ta, Người đã và đang cho phép chúng ta nhận ra và tuyên xưng Người là Con Thiên Chúa. Nhờ đức tin, chúng ta có thể chạm đến Người và nhận được sức mạnh của ân sủng Người. Thánh Augustinô, khi chú giải về đoạn nói về người phụ nữ bị băng huyết chạm vào Chúa Giêsu để được chữa lành (Lc 8:45-46) xác quyết rằng: “*Chạm đến bằng con tim, đó chính là tin*” [26]. Đám đông vây quanh Người, nhưng họ không đến được với Người bằng việc chạm đến cách cá nhân của đức tin, là điều nhận ra màu nhiệm của Người, bản chất Chúa Con của Người là Đấng mạc khải Chúa Cha. Chỉ khi nào chúng ta trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô, thì chúng ta mới nhận được đôi mắt đầy đủ để nhìn thấy.

Cuộc đối thoại giữa đức tin và lý trí

32. Vì rao giảng chân lý về tình yêu trọn vẹn của Thiên Chúa và mở lòng ra với quyền năng của tình yêu này, mà đức tin Kitô giáo đi thật sâu vào trung tâm của kinh nghiệm của mỗi người, là những kẻ đến cùng ánh sáng nhờ tình yêu và được mời gọi yêu thương để ở lại trong ánh sáng. Được thúc đẩy bởi ước ao soi sáng tất cả thực tại bằng tình yêu của Thiên Chúa trong Chúa Giêsu và tìm cách yêu thương với tình yêu này, các Kitô hữu tiên khởi tìm thấy trong thế giới Hy Lạp, trong sự đói khát chân lý của nó, một đối tác thích hợp cho cuộc đối thoại. Cuộc gặp gỡ giữa sứ điệp Tin Mừng và các tư tưởng triết học của thế giới cổ đại là một

bước quyết định để Tin Mừng đến với mọi dân tộc. Nó thuận lợi cho một sự tương tác hiệu quả giữa đức tin và lý trí, một tương tác luôn luôn phát triển qua nhiều kỷ nguyên cho đến thời đại chúng ta. Chân Phước Gioan Phaolô II, trong Thông Điệp *Fides et Ratio* (*Đức tin và Lý trí*), đã cho thấy đức tin và lý trí củng cố lẫn nhau thế nào [27]. Khi chúng ta tìm thấy ánh sáng trọn vẹn của tình yêu của Chúa Giêsu, chúng ta nhận ra rằng, trong tất cả tình yêu của chúng ta, đã có một tia của ánh sáng ấy và chúng ta hiểu được mục tiêu cuối cùng của nó gì. Và, đồng thời, sự thể là tình yêu của chúng ta chứa đựng một ánh sáng trong nó, giúp chúng ta nhìn thấy con đường tình yêu hướng đến sự viên mãn của món quà tự hiến hoàn toàn của Con Thiên Chúa dành cho chúng ta. Trong chuyển động vòng tròn này, ánh sáng đức tin soi sáng tất cả các mối liên hệ nhân loại của chúng ta, để chúng ta có thể sống trong sự hiệp thông với tình yêu và sự ân cần của Đức Kitô.

33. Trong cuộc đời của Thánh Augustinô, chúng ta thấy một ví dụ quan trọng về cuộc hành trình này, trong đó việc tìm kiếm của lý trí, với ước ao của ngài về chân lý và sự rõ ràng, đã hòa nhập vào chân trời đức tin, từ đó nó đã nhận được một sự hiểu biết mới. Một mặt, Thánh Augustinô chấp nhận triết lý Hy Lạp về ánh sáng với việc nhấn mạnh đến thị giác. Cuộc gặp gỡ với chủ nghĩa Tân Platon giới thiệu ngài với mô thức ánh sáng, là ánh sáng chiếu từ trên xuống để soi sáng mọi sự, và do đó cũng là một biểu tượng của Thiên Chúa. Bằng cách này, Thánh Augustinô đã hiểu sự siêu việt của Thiên Chúa và đã khám phá ra rằng tất cả mọi sự đều có trong chính mình một sự trong sáng nào đó, và có thể nói rằng chúng có thể phản ánh sự tốt lành của Thiên Chúa, là Đấng Nhân Lành. Ngài được giải thoát khỏi học thuyết của Mani giáo mà ngài sống trước đó, là thuyết làm cho ngài tin rằng lành và dữ liên tục đối chọi nhau, pha trộn và kết hợp với nhau, mà không có đường nét rõ ràng. Việc hiểu rằng Thiên Chúa là ánh sáng cho ngài một hướng đi mới trong cuộc đời, cho ngài khả năng nhận ra sự dữ và tình trạng tội lỗi của ngài, và trở về với điều lành.

Tuy nhiên, mặt khác, trong kinh nghiệm thực tế của Thánh Augustinô, như ngài kể trong *Tự Thú* của ngài, giây phút quyết định trong cuộc hành trình đức tin của ngài không phải là một thị kiến về Thiên Chúa ở trên cao và vượt ra ngoài thế gian này, mà là giây phút lắng nghe, trong vườn khi ngài nghe có tiếng nói với mình: *“Hãy cầm lấy và đọc”*; và ngài cầm quyển sách có các Thư của Thánh Phaolô lên và ngừng lại ở chương thứ mười ba của *Thư gửi tín hữu Rôma* [28]. Bằng cách này Thiên Chúa cá nhân của Thánh Kinh tỏ mình ra với ngài, có thể nói chuyện với con người, xuống để sống với họ và đồng hành với họ trong hành trình qua lịch sử, qua việc xuất hiện trong giây phút lắng nghe và đáp trả.

Tuy nhiên, cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa của Lời đã không đưa Thánh Augustinô đến việc chối bỏ ánh sáng và thị giác. Luôn được hướng dẫn bởi mặc khải về tình yêu Thiên Chúa trong Chúa Giêsu, ngài dung hợp hai quan điểm. Và do đó ngài đã khai triển một triết lý về ánh sáng có thể đón nhận vào mình sự hỗ tương thích hợp với lời và mở ra một không gian tự do nhìn về phía ánh sáng. Cũng như lời là một đáp trả tự do, thì ánh sáng cũng tìm thấy một hình ảnh phản chiếu nó như một sự đáp trả. Như thế, Thánh Augustinô có thể nói về “lời chiếu sáng nội tâm con người” nhờ kết hợp thánh giác và thị giác [29]. Bằng cách này, chúng ta có thể nói rằng, ánh sáng trở thành ánh sáng của một lời, bởi vì nó là ánh sáng của một Dung Nhan cá nhân, một ánh sáng chiếu soi trong chúng ta, mời gọi chúng ta và muốn phản ánh trên khuôn mặt chúng ta ngõ hầu cũng tỏa sáng từ bên trong chính chúng ta. Hơn nữa, ao ước được nhìn thấy toàn thể, chứ không chỉ những mảnh vụn của lịch sử, vẫn còn đó và chung cuộc sẽ được thỏa mãn, khi con người, như Giám Mục thành Hippo nói, *sẽ thấy và sẽ yêu* [30]. Và điều này, không phải vì người ấy sẽ có tất cả ánh sáng, là điều không bao giờ thiếu, nhưng bởi vì người ấy sẽ hoàn toàn bước vào trong ánh sáng.

34. Ánh sáng của tình yêu, thích hợp với đức tin, có thể soi sáng những câu hỏi của thời đại chúng ta về chân lý. Ngày nay chân lý thường bị giảm xuống thành sự xác thực chủ quan của mỗi người, chỉ có giá trị cho cuộc sống cá nhân. Một chân lý chung làm cho chúng ta sợ hãi bởi vì chúng ta đồng hóa nó với việc áp đặt không nhượng bộ của chủ nghĩa chuyên chế. Nhưng nếu chân lý là chân lý của tình yêu, nếu nó là chân lý được tìm thấy trong việc gặp gỡ Đấng Khác và những người khác, như thế nó được giải phóng khỏi việc bị đóng kín trong cá nhân và có thể trở thành một phần của công ích. Bởi vì chân lý của tình yêu không phải là một

chân lý cần phải được áp đặt bằng bạo lực, không phải là một chân lý đè bẹp cá nhân. Vì được sinh ra từ tình yêu, nó có thể đến tận con tim, đến trung tâm của mỗi người. Như thế rõ ràng là đức tin không cố chấp, nhưng lớn lên trong sự chung sống và tôn trọng người khác. Các tín hữu không kiêu căng, trái lại, chân lý làm cho họ khiêm tốn, vì biết rằng mình không phải là người sở hữu chân lý, nhưng chính chân lý bao trùm và sở hữu mình. Thay vì làm cho họ thành cứng ngắc, sự an toàn của đức tin đặt họ trên một cuộc hành trình, làm cho họ có thể thành chứng nhân và có thể đối thoại với mọi người.

Mặt khác, ánh sáng đức tin, trong việc kết hợp với chân lý của tình yêu, không xa lạ gì với thế giới vật chất, bởi vì tình yêu luôn luôn sống trong thân xác và linh hồn; ánh sáng Đức tin là một ánh sáng nhập thể tỏa ra từ cuộc đời đầy ánh sáng của Chúa Giêsu. Nó cũng chiếu soi vật chất, tùy thuộc vào trật tự của nó, biết rằng tự nó sẽ mở ra một con đường hòa hợp và hiểu biết rộng lớn hơn bao giờ hết. Cái nhìn về khoa học như thế có lợi cho đức tin: điều này mời gọi các nhà nghiên cứu tiếp tục đón nhận thực tại, trong tất cả sự phong phú vô tận của nó. Đức tin đánh thức tinh thần phê phán bằng cách tránh cho việc nghiên cứu hài lòng với những công thức của mình và giúp nó hiểu rằng thiên nhiên luôn luôn rộng lớn hơn. Bằng cách mời gọi nó kinh ngạc trước mầu nhiệm của việc tạo dựng, đức tin mở rộng chân trời của lý trí để làm sáng tỏ hơn về thế giới là điều tự mở ra cho nghiên cứu khoa học.

Đức tin và việc tìm kiếm Thiên Chúa

35. *Ánh sáng của đức tin vào Chúa Giêsu cũng là con đường của tất cả những ai tìm kiếm Thiên Chúa, và cung cấp sự đóng góp cụ thể của Kitô giáo trong cuộc đối thoại với những người theo các tôn giáo khác nhau. Thư gửi tín hữu Do Thái nói cho chúng ta về chứng từ của những người công chính, là những người đã tìm kiếm Thiên Chúa bằng đức tin, trước khi có Giao Ước với ông Abraham. Về ông Enoch, Thư nói rằng “ông đã được chứng giám là đẹp lòng Thiên Chúa” (Dt 11:5), là điều không thể được nếu không có đức tin, bởi vì “ai đến gần Thiên Chúa thì phải tin là Ngài hiện hữu và Ngài thưởng công những ai tìm kiếm Ngài” (Dt 11:6). Chúng ta cũng có thể hiểu rằng con đường của con người tôn giáo đi qua lời tuyên xưng về một Thiên Chúa, là Đáng chăm sóc họ và là Đáng họ có thể tìm thấy được. Còn phần thưởng nào khác mà Thiên Chúa có thể ban cho những kẻ tìm kiếm Ngài, nếu không phải là để cho họ gặp Ngài? Trước nữa, chúng ta tìm thấy nhân vật Abel, mà người ta cũng ca ngợi đức tin vì Thiên Chúa chấp nhận những của lễ của ông dâng lên Ngài, những con chiên đầu lòng của đàn chiên của ông (x. Dt 11:4). Con người tôn giáo tìm cách nhận ra các dấu chỉ của Thiên Chúa trong những kinh nghiệm hàng ngày của cuộc đời họ, trong chu kỳ các mùa, trong hoa mầu ruộng đất và tất cả chuyển động của vũ trụ. Thiên Chúa là ánh sáng, và Ngài cũng có thể được tìm thấy bởi những kẻ tìm kiếm Ngài với một tấm lòng thành.*

Hình ảnh của cuộc tìm kiếm này có thể được tìm thấy nơi các nhà đạo sĩ, được hướng dẫn bởi ngôi sao đến tận Bethlehem (x. Mt 2:1-12). Đối với họ, ánh sáng của Thiên Chúa tỏ lộ như con đường, như ngôi sao hướng dẫn họ trên một con đường khám phá dài. Ngôi sao cũng nói lên sự kiên nhẫn của Thiên Chúa với đôi mắt của chúng ta, cần phải trở nên quen thuộc với sự rạng ngời của Ngài. Con người tôn giáo đang trên đường đi và sẵn sàng để cho mình được hướng dẫn, ra khỏi nhà để tìm thấy Thiên Chúa, Đáng luôn luôn bất ngờ. Đối với đôi mắt của con người thì khía cạnh này của Thiên Chúa cho chúng ta thấy rằng, khi con người tiến lại gần Ngài, ánh sáng của con người không bị hòa tan trong ánh sáng bao la của Thiên Chúa, như một ngôi sao bị tràn ngập bởi bình minh, nhưng sẽ trở nên rực rỡ hơn khi nó đến gần ngọn lửa nguyên thủy, như tấm gương phản ánh huy hoàng. Lời tuyên xưng của Kitô giáo về Chúa Giêsu Kitô, Đáng Cứu Độ duy nhất, xác nhận rằng tất cả ánh sáng của Thiên Chúa được tập trung vào Người, vào “*cuộc đời đầy ánh sáng*” của Người, trong đó tỏ lộ khởi thủy và cùng đích của lịch sử [31]. Không có kinh nghiệm nào của con người, không có con đường nào của con người hướng về Thiên Chúa, mà không thể được đón nhận, thanh lọc và soi sáng bởi ánh sáng này. Một Kitô hữu càng đắm chìm trong vòng được mở ra bởi ánh sáng của Đức Kitô, thì càng có khả năng hiểu và đi cùng con đường của tất cả mọi người người về phía Thiên Chúa.

Vì đức tin được hình thành như một con đường, nó cũng liên quan đến cuộc sống của con người, ngay cả trong những kẻ không tin, những kẻ ước muốn tin và những kẻ không ngừng tìm kiếm. Theo mức độ mở lòng ra với tình yêu từ một con tim chân thành và bắt đầu lên đường với ánh sáng này mà họ có thể nắm bắt được, họ đã sống trên đường hướng về đức tin mà không biết. Họ cố gắng hành động như thể Thiên Chúa hiện hữu, đôi khi vì họ nhận ra tầm quan trọng của Ngài trong việc tìm hướng đi vững chắc trong cuộc sống bình thường hay vì họ cảm nghiệm một ao ước ánh sáng giữa bóng tối, nhưng cũng vì ý thức được rằng cuộc sống cao quý và đẹp đẽ như thế nào, họ thấy trước rằng sự hiện diện của Thiên Chúa sẽ làm cho nó thậm chí cao cả hơn. Thánh Irênê kể lại rằng ông Abraham, trước khi lắng nghe tiếng nói của Thiên Chúa, đã tìm Ngài bằng “một ao ước mãnh liệt của linh hồn” và “ông chạy khắp trái đất tìm xem Thiên Chúa ở đâu” cho đến khi “Thiên Chúa thương xót ông, là người một mình đã tìm Ngài trong thinh lặng” [32]. Bất cứ ai bắt đầu con đường làm việc lành cho tha nhân thì đã được gần Thiên Chúa rồi, đã được nâng đỡ bởi sự giúp đỡ của Ngài, bởi vì nó là đặc trưng của sự năng động của ánh sáng thần linh để thắp sáng đôi mắt của chúng ta khi chúng ta bước đi về phía sự viên mãn của tình yêu.

Đức tin và thần học

36. Vì đức tin là một ánh sáng, nó thúc đẩy chúng ta bước vào chính nó, để khám phá rộng rãi hơn nữa chân trời mà nó soi sáng, để hiểu rõ hơn những gì mà chúng ta yêu thích. Thần học Kitô giáo được sinh ra từ ước muốn này. Như vậy rõ ràng là thần học không thể không có đức tin, và nó là thành phần của chính tiến trình đức tin, tìm kiếm sự hiểu biết sâu xa hơn nữa của việc tự mặc khải của Thiên Chúa, đạt đến tột đỉnh trong Mầu Nhiệm Đức Kitô. Kết quả đầu tiên là thần học không chỉ cung cấp, như trong các ngành khoa học thực nghiệm, một nỗ lực của lý trí để nghiên cứu kỹ lưỡng và hiểu biết. Không thể thu gọn Thiên Chúa thành một đối tượng. Ngài là một chủ thể, Đáng mặc khải chính mình và tỏ mình ra trong mối liên hệ giữa người với người. Đức tin đúng hướng dẫn lý trí để mở ra cho ánh sáng đến từ Thiên Chúa, do đó, được hướng dẫn bởi tình yêu của chân lý, nó có thể nhận biết Thiên Chúa cách sâu xa hơn. Các tiến sỹ Hội Thánh và các thần học gia vĩ đại thời Trung Cổ đã quả quyết rằng thần học, như một khoa học của đức tin, là việc thông phần vào sự hiểu biết của chính Thiên Chúa. Do đó, thần học không chỉ là một lời về Thiên Chúa, nhưng trước hết là chấp nhận và tìm kiếm một sự hiểu biết sâu xa hơn về những lời mà Thiên Chúa nói với chúng ta, lời mà Thiên Chúa nói về chính Ngài, bởi vì Ngài là một cuộc đối thoại vĩnh cửu về sự hiệp thông, và Ngài đón nhận con người vào cuộc đối thoại này [33]. Như thế, sự khiêm nhường tham dự vào thần học bằng cách cho phép nó được Thiên Chúa “chạm đến”, nhìn nhận những giới hạn của nó trước những Mầu nhiệm và cố gắng tìm hiểu sự phong phú khôn lường của Mầu Nhiệm này với kỷ luật lý thích hợp cho lý trí.

Thần học cũng chia sẻ hình thức Hội Thánh của đức tin; ánh sáng của nó là ánh sáng về chủ đề đức tin là Hội Thánh. Một mặt, điều này có nghĩa là thần học được dùng để phục vụ đức tin Kitô giáo, nó phải khiêm tốn gìn giữ và đào sâu niềm tin của mọi người, đặc biệt là những người đơn sơ nhất. Mặt khác, thần học, vì sống nhờ đức tin, không được coi Huân Quyền của Giáo Hoàng và các Giám Mục hiệp thông với ngài như một điều gì bên ngoài, một điều giới hạn sự tự do của mình, nhưng trái lại, phải như một trong những yếu tố nội tại và cấu thành của nó, bởi vì Huân Quyền tiếp xúc với suối nguồn nguyên thủy, do đó cung cấp sự chắc chắn cho điều được rút ra từ Lời của Đức Kitô trong sự toàn vẹn của nó.

Chú thích

[17] XI, 30, 40: *PL* 32, 825.

[18] *X. như trên.*, 825-826.

[19] *X. Vermischte Bemerkungen / Văn hóa và Giá trị*, ed. G.H. von Wright, Oxford, 1991, 32-33, 61-64.

[20] *Homiliae in Evangelia*, II, 27, 4: PL 76, 1207.

[21] X. *Expositio sur Cantica Canticorum*, XVIII, 88: CCL, *Continuatio Mediaevalis* 87, 67.

[22] *Như trên*, XIX, 90: CCL, *Continuatio Mediaevalis* 87, 69.

[23] “Sự vâng phục của đức tin (Rm 16:26; so với Rm 1:5, 2; Cor 10:5-6) phải là sự đáp trả của chúng ta với Thiên Chúa là Đấng mạc khải. Nhờ đức tin mà một người tự nguyện dâng hiến toàn tâm trí và ý chí cho Thiên Chúa là Đấng mạc khải, và sẵn sàng chấp nhận sự mạc khải mà Thiên Chúa ban. Để có đức tin này, chúng ta cần ân sủng của Thiên Chúa tiền liệu và giúp đỡ, cũng như sự trợ giúp bên trong của Chúa Thánh Thần, Đấng chạm đến tâm hồn và hoán cải nó để trở về với Thiên Chúa, cùng mở đôi mắt của tâm trí và làm cho ‘mọi người dễ dàng đón nhận và tin vào chân lý’. Cùng một Chúa Thánh Thần liên tục hoàn thiện đức tin bằng những hồng ân của Ngài, ngõ hầu mạc khải càng ngày càng được hiểu biết sâu xa hơn” (Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải của Thiên Chúa, *Dei Verbum*, 5).

[24] X. H. Schlier, *Meditationen über den Johanneischen Begriff der Wahrheit*, in: *Besinnung auf das Neue Testament. Exegetische Aufsätze und Vorträge* 2, Freiburg, Basel, Wien 1959, 272.

[25] X. S. Th. III, q. 55, a. 2, ad 1.

[26] *Sermo* 229/L, 2 : PLS 2, 576 : “*Tangere autem corde, hoc est credere*”.

[27] X. Thông điệp *Fides et Ratio* (14 tháng 9 năm 1998), 73: AAS (1999), 61-62.

[28] X. *Confessiones*, VIII, 12, 29: PL 32, 762.

[29] *De Trinitate*, XV, 11, 20: PL 42, 1071: “*verbum quod intus lucet*”.

[30] X. *De Civitate Dei*, XXII, 30, 5: PL 41, 804.

[31] X. Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Tuyên ngôn Dominus Iesus* (6 tháng 8 năm 2000), 15: AAS 92 (2000), 756.

[32] *Demonstratio Apostolicae Predicationis*, 24: SC 406, 117.

[33] X. S. Bonaventura, *Breviloquium*, Prol.: Opera omnia, V, Quaracchi 1891, 201; *In I Sent.*, proem., q. 1, resp.: Opera Omnia, I, Quaracchi 1891, 7; S. Thomas Aquinas, S. Th. I, q. 1.

VỀ MỤC LỤC

ĐỨC PHANXICO NÓI CHUYỆN VỚI ỦY BAN ĐIỀU HỢP HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC CHÂU MỸ LATINH CELAM I11

Dưới đây là bài viết tóm tắt, cô đọng lại bài nói chuyện của Đức Phanxico với Ủy Ban Điều Hợp HĐGM Châu Mỹ Latinh và Caribbean hôm 28-7-2013. (Nguyên bản bài nói chuyện của ĐTC Zenit.org July 29, 2013)

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Chiều Chúa Nhật 28-7-2013 Đức Phanxico đã gặp Ủy Ban Điều Hợp của Hội Đồng Giám Mục Châu Mỹ LaTinh (CELAM) với sự hiện diện của 45 Giám Mục. ĐTC chú trọng đến những dư âm của cuộc họp thứ 5 của CELAM/HĐGM Châu Mỹ Latinh và Caribbean được tổ chức tại Aparecida tháng 5 năm 2007.

Mở đầu bài nói chuyện, ĐTC nhắc lại 4 điểm chính của Hội nghị Aparecida. Thứ nhất là sự tham dự của những Giáo Hội đặc biệt như là tiến trình chuẩn bị một tài liệu tổng hợp dùng để tham khảo trong suốt hội nghị 5, nhưng đã không được dùng ngay từ lúc đầu khởi đầu. Bộ kinh cùng với những bài hát và lời cầu nguyện của giáo dân. Hội nghị Aparecida đã kết thúc mà

không để lại tài liệu nhưng lại tiếp tục đi vào việc truyền giáo lục địa. Sau cùng thì lại là Hội nghị 1 của HĐGM Châu Mỹ La Tinh và Caribbean được họp ở Đền Thánh Đức Mẹ Maria.



ĐTC nói về 2 chiều kích của công tác truyền giáo lục địa: 1/ **Chương trình**: gồm những hoạt động truyền giáo 2/ **Kiểu mẫu**, sắp đặt bí quyết truyền giáo với những sinh hoạt hàng ngày của các giáo hội đặc biệt. ĐTC cắt nghĩa: “Việc này đem đến toàn thể tiến trình cải tổ cơ cấu của Giáo Hội. Sự ‘thay đổi cơ cấu này’ (từ cũ đến mới)... sẽ phát sinh ra do chính tính năng động của việc truyền giáo. Điều làm cho cái cũ bị loại đi, điều làm cho con tim của người Kitô hữu thay đổi, chính là *tinh thần truyền giáo*”. Đức Phanxico nhắc đến 2 thách đố hiện nay của tinh thần môn đệ truyền giáo: **“Canh tân ngay bên trong Giáo Hội và đối thoại với thế giới chung quanh”**.

ĐTC tiếp tục nêu lên những “cám dỗ của người môn đệ truyền giáo” là biến đổi sứ điệp của Tin Mừng thành một lý tưởng: “*Cố gắng cắt nghĩa Phúc Âm xa rời khỏi chính Phúc Âm và Giáo Hội*”; như là chế độ hành chánh, làm “giảm giá trị thực tế của Giáo Hội, biến Giáo Hội thành cơ cấu của một tổ chức ngoài chính phủ (NGO)” và áp dụng loại ‘Thần học phồn vinh’ vào tổ chức công tác mục vụ”; và sau cùng, chủ nghĩa giáo sĩ hay là thái độ của giáo sĩ, là “một cám dỗ rất hiện thực ở Châu Mỹ LaTinh ngày nay” cho thấy “đa số giáo dân ở Châu Mỹ La Tinh chưa đủ trưởng thành và có tự do Kitô giáo”.

Sau đó ĐTC gợi ý một vài hướng dẫn của Giáo Hội:

1* Thứ nhất, “người môn đệ truyền giáo mà hội nghị Aparecida đề nghị cho các giáo hội Châu Mỹ LaTinh và Caribbean, là cuộc hành trình mà Thiên Chúa ước mong dành cho thời đại ‘ngày nay’....Cho thời đại ‘ngày nay’, nhưng cũng ‘căng thẳng’. Không có những loại môn đệ truyền giáo bất động, ù lì như vậy, chẳng liên hệ với quá khứ mà cũng chẳng nhắm tới tương lai.

2* Thứ đến, “Giáo Hội là một định chế, nhưng khi nó tự biến thành ‘trung tâm điểm’, thì nó trở thành một cơ chế hành chánh, và chắc chắn từ từ rồi nó sẽ biến thành một tổ chức ngoài chính phủ (NGO)... Từ một ‘định chế’ nó biến thành một ‘xí nghiệp’. Nó dừng lại, không còn là vị hôn thê để rồi cuối cùng trở thành một quản trị viên. Từ một đầy tớ trở thành một người ‘giám sát’. Aparecida muốn Giáo Hội là vị hôn thê, là mẹ và là đầy tớ, một người dễ dãi với đức tin chứ không phải một giám sát viên đức tin”.

3* Thứ ba, “Ở Aparecida -Đức Phanxico nói- có hai loại mục vụ nhất định phải thực hiện. Nó phát khởi từ tính độc nhất của Phúc Âm, chúng ta có thể dùng nó làm tiêu chuẩn để xác định xem chúng ta sống tinh thần môn đệ truyền giáo trong Giáo Hội như thế nào: *sống gần gũi và tiếp cận với giáo dân*. Hai loại mục vụ này chẳng có gì là mới lạ, mà thực ra là cách mà chính chúa Giêsu đã biểu lộ cho chúng ta trong lịch sử”; ngài tiếp tục nhắc lại: những kế hoạch mục vụ mà không đếm xỉa đến những chiều kích ấy thì tốt nhất cũng chỉ “có thể tạo ra một kiểu chinh phục tân tông, nhưng nó chẳng bao giờ có thể truyền hừng cho người dân cảm thấy mình là một phần tử hay thuộc về Giáo Hội”; ngài còn thêm “một thử thách để đo lường xem một kế hoạch mục vụ có áp dụng cách sống gần gũi với dân không và khả năng tiếp cận với họ có phải là bài giảng trong thánh lễ không”.

4* Thứ tư và sau cùng, ĐTC phê bình “Giám mục phải là người *dẫn đầu* nhưng *không phải là người hống hách, quan liêu, không muốn ai trái ý mình*”, đồng thời ngài đưa ra một số hướng dẫn làm tiêu chuẩn “*Giám mục phải là những mục tử gần gũi với dân, là cha, là anh em, phải nhẹ nhàng dịu hiền, nhẫn nại và nhân hậu*. Là những người biết *yêu mến khó nghèo*, cả bên trong như tự do trước mặt Chúa, lẫn bên ngoài như sống đơn giản và khắc khổ. Là những người không có tư tưởng và hành động như những *ông hoàng bà chúa*’. Là những người *không có tham vọng*, đã kết hôn với giáo hội nhưng không để mắt nhìn đến một giáo hội khác. Là những người có khả năng coi sóc đoàn chiên đã được trao phó cho họ, bảo vệ tất cả mọi sự hầu giữ chiến kết hợp với nhau: Đề ý coi sóc giáo dân khỏi mọi hiểm nguy có thể hãm hại chúng, nhưng trên hết phải cho họ niềm hy vọng để ánh sáng sẽ chiếu rọi vào tâm trí mọi người. Là những người có khả năng yểm trợ những chia sẻ của Thiên Chúa với dân Người với tình thương yêu và nhẫn nại. Giám mục phải ở với dân theo 3 cách: *Đứng trước dân* để chỉ đường đi cho dân; *ở trong dân* để giữ họ liên kết với nhau và phòng ngừa họ bị phân tán; *ở đằng sau dân* để bảo đảm không có ai bị bỏ lại phía sau, nhưng tiên khởi cũng để đoàn chiên khỏi tách ra đi theo những đường lối mới”.

Để kết luận Đức Phanxico thêm: “Chúng ta đang kéo lê sứ vụ của chúng ta, một cuộc cải tổ mục vụ cần phải có. Chúng ta cần giúp đỡ nhau hơn nữa để cùng bước theo những bước mà Chúa đã đòi hỏi chúng ta trong Giáo Hội Châu Mỹ Latinh và Caribbean của ngày nay. Đây là nơi thuận tiện và tốt để khởi sự.”

Fleming Island, Florida

July 29, 2013

NTC

[1] **CELAM: The Consejo Episcopal LatinoAmericano** (Tiếng Anh là Latin American Episcopal Conference) là một **Hội Đồng các Giám Mục Công Giáo thuộc Châu Mỹ Latinh** được thành lập năm 1955 tại Rio de Janeiro, Ba Tây / Brazil.

Gốc ở Bogotá (Colombia), CELAM thúc đẩy thực thi Công đồng Vatican II (1962-1965) một cách rất hăng say. Trong 4 năm sau đó, CELAM đã chuẩn bị Hội Nghị Medellin 1968 ở Colombia, chính thức yểm trợ “**những cộng đồng giáo hội căn bản**” và **Thần Học Giải Phóng** do Gustavo Gutiérrez đưa ra năm 1972 qua bản luận án **A Theology of Liberation: History, Politics and Salvation**. Năm 1968 Giám mục Samuel Ruiz của Chiapas, Mexico được cử làm chủ tịch Ủy ban Truyền giáo của CELAM.

Việc CELAM yểm trợ Thần Học Giải Phóng đã bị Vatican, Đức Phaolô VI cau mày, khiến phong trào khựng lại sau công đồng 1962-1965. Hồng y Antonio Samore, đặc trách liên lạc

giữa giáo triều Roma và CELAM lúc đó là thủ lĩnh của Ủy ban Giáo Hoàng đặc trách Châu Mỹ Latinh, đã được lệnh cho một kỳ hạn để định hướng.

Với Alphonso Lopez Trujillo được chọn làm tổng thư ký CELAM trong kỳ bầu cử năm 1972, phe bảo thủ nắm quyền điều khiển tổ chức này, đồng thời họ cũng bắt đầu lấy lại được quyền điều khiển cho giáo triều Roma. Cho đến năm 1984 Lopez Trujillo vẫn còn là tổng thư ký CELAM và, trong kỳ bầu giáo hoàng năm 2005, ngài vẫn được coi là ứng viên giáo hoàng và cử tri bầu giáo hoàng.

Tuy nhiên, tại Hội nghị CELAM năm 1979 ở Puebla phe tái định hướng bảo thủ vẫn bị chống đối mãnh liệt từ phía một số giáo sĩ cấp tiến coi “chọn lựa ưu tiên phải là cho người nghèo”. Nhưng với Tân giáo hoàng Gioan Phaolo II vào năm 1978, phe bảo thủ nắm quyền kiểm soát cả ở giáo triều Roma lẫn CELAM. Hồng y Joseph Ratzinger, sau này là giáo hoàng Biển Đức XVI, đặc trách việc lấy lại quyền bính về cho Vatican nơi thế giới thứ 3. Năm 1984 và 1986 Tòa Thánh đã 2 lần kết án những thành tố của Thần Học Giải Phóng, nhất là thành tố Marxist.

Trong cuộc du hành Nicaragua, Đức Gioan Phaolo II đã gay gắt kết án cái mà ngài gọi là “Giáo Hội nhân dân” (i.e. “những cộng đồng giáo hội căn bản” được CELAM yểm trợ) và những khuynh hướng của giáo sĩ Nicaragua ủng hộ phe kháng chiến Sandinistas. Ngài cũng nhấn mạnh rằng quyền bính của Vatican là nền tảng và duy nhất.

Ban Chấp Hành hiện nay của CELAM (2011-2015)

- Chủ Tịch: TGM Carlos Aguiar Retes, TGM / Giáo trưởng Tlalnepantla, Mexico
- Đệ I Phó Chủ Tịch: HY Ruben Salazar Gomez, TGM/Giáo trưởng Bogota, Colombia
- Đệ II Phó Chủ Tịch: TGM Dimas Lara Barbosa, TGM/Giáo trưởng Campo Grande, Ba Tây/Brazil
- Tổng Thư Ký: GM Santiago Silva Retamales, GM Phụ Tá Valparaiso, Chile.

VỀ MỤC LỤC

LINH ĐẠO HIỆP HỘI THÁNH MẪU: THÀNH LẬP VÀ SINH HOẠT CỦA GIA ĐÌNH SỐNG ĐỜI KI-TÔ HHTM

LỜI CHÚA: “Trong những ngày ấy, Đức Giê-su đi ra núi cầu nguyện, và Người đã thức suốt đêm cầu nguyện cùng Thiên Chúa. Đến sáng, Người kêu các môn đệ lại, chọn lấy mười hai ông và gọi là Tông Đồ” (Lc 6,12-13).

1. GIA ĐÌNH SỐNG ĐỜI KI-TÔ HHTM:

a) Noi gương Chúa Giêsu, Hiệp Hội Thánh Mẫu cũng phân chia hội viên thành những **Nhóm Nhỏ** gọi là **Gia Đình Sống Đời Ki-tô HHTM**, trong đó mọi thành viên giúp nhau sống hiếu thảo với Chúa Cha và sống hiệp nhất yêu thương nhau, luôn hiệp cùng Mẹ Ma-ri-a theo ơn Thánh Thần soi dẫn để học sống Lời Chúa và thi hành các công tác tông đồ bác ái hầu góp phần chu toàn sứ vụ “ra đi loan báo Tin Mừng khắp thế gian” (x Mt 28,19-20).

b) Hội viên cùng hay khác phái cùng lứa tuổi trong một giáo xứ hay môi trường sống liên kết thành từng Nhóm Nhỏ gọi là GIA ĐÌNH SỐNG ĐỜI KITÔ HHTM hay GIA ĐÌNH NHÓM NHỎ. Mỗi Gia Đình gồm **từ 7 đến 12 thành viên nam nữ** theo từng ngành: **Từ 17-30 tuổi là ngành Giới Trẻ HHTM, từ 30-60 tuổi là ngành Gia Đình HHTM, từ 60 tuổi trở lên là ngành Bác Ái HHTM**. Sợi dây liên kết các thành viên trong Gia Đình SĐKT là **tình yêu thương huynh đệ**. Anh chị em trong Gia Đình nên gọi nhau là anh chị em dựa theo ngày tháng năm sinh. Có thể gọi nhau theo thứ tự như: Anh (chị) Cả, chị Hai, chị Ba, anh Tư chú Năm, ... cô Út để thêm sự thân thiết hơn. Các Gia Đình cùng ngành (lứa tuổi) sẽ liên kết thành **Đoàn GIỚI TRẺ HHTM, Đoàn GIA ĐÌNH HHTM, Đoàn BÁC ÁI HHTM**. Ba Đoàn Ngành HHTM trong mỗi giáo xứ sẽ liên kết thành **XỨ ĐOÀN HHTM** hay **HIỆP HỘI THÁNH MẪU GIÁO XỨ**.

c) Mỗi Gia Đình Nhóm Nhỏ do một **TỔ PHỤC VỤ GIA ĐÌNH** điều hành sinh hoạt gồm một **Trưởng**, hai **Phụ Tá** và một **Cố vấn**.

2. CÁC GIAI ĐOẠN THÀNH LẬP VÀ TỔ CHỨC NỘI BỘ GIA ĐÌNH NHÓM NHỎ HHTM:

a) **Huấn luyện Trưởng Gia Đình:** Vai trò TRƯỞNG GIA ĐÌNH rất quan trọng để hình thành và điều hành sinh hoạt Gia Đình, nên Trưởng Gia Đình cần được huấn luyện qua một khóa Huấn Luyện Huynh Trưởng. LM Giám Huấn sẽ chọn một số người nhiệt tình, có uy tín và khả năng tham dự Khóa Huấn Luyện Trưởng Gia Đình do HHTM Giáo Phận hay Giáo Hạt tổ chức.

b) **Thành lập Gia Đình:** Sau khóa học, mỗi huynh trưởng đủ điều kiện sẽ tự đứng ra thành lập Gia Đình Nhóm Nhỏ bằng cách mời gọi **từ 7 đến 12 người cùng lứa tuổi** (16-30; 30-60; 60 trở lên), **cùng hay khác phái nam nữ, cùng khu xóm, cùng công tác phục vụ như ca đoàn, lễ sinh, giáo lý viên, lớp giáo lý....** thành lập **Gia Đình Sống Đời Kitô HHTM**. Mỗi thành viên trong Gia Đình Nhóm Nhỏ cũng nên mời các người thân (chồng, vợ hay con cái lớn) làm thành viên trợ tá của Gia Đình mình.

c) **Tổ Điều Hành Gia Đình:** Mỗi Gia Đình Nhóm Nhỏ sẽ bầu chọn một **Trưởng Gia Đình**, nhiệm kỳ 3 năm và có quyền được tái tín nhiệm. Từ đây Trưởng Gia Đình sẽ là đại diện chính thức của Gia Đình và có trách nhiệm điều hành mọi sinh hoạt của Gia Đình. Trưởng Gia Đình cũng chọn một hai thành viên trẻ nhiệt tình và có khả năng làm **Phụ Tá GD** (thư ký và thủ quỹ). Trưởng Gia Đình cũng chọn một người lớn tuổi có uy tín nhất trong Gia Đình làm **Cố Vấn GD** đặc trách các hội viên trợ tá. Trưởng Gia Đình, Phụ tá và Cố vấn hợp thành **Tổ Phục Vụ Gia Đình**.

d) **Các tiểu tổ công tác:** Ngoài ra, Trưởng GD nên phân các thành viên thành từng **tiểu tổ**, mỗi tiểu tổ gồm 3-4 người để tiện việc phân công tác phục vụ hằng tuần hằng tháng. Mỗi tiểu tổ do một thành viên của Tổ Phục Vụ Gia Đình đảm nhiệm.

3. TINH THẦN GIA ĐÌNH SĐKT-HHTM:

a) **Sống tình bác ái huynh đệ:** Trong Gia Đình Nhóm Nhỏ, các thành viên có bốn phận phải yêu thương nhau, đối xử với nhau như anh chị em ruột thịt, thể hiện qua sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau noi gương Cộng Đoàn Hội Thánh Sơ Khai (x Cv 2,42-47). Cố Vấn Gia Đình là mối dây liên kết, có nhiệm vụ xây dựng củng cố tình hiệp thông giữa các thành viên trong Gia Đình.

b) Những điểm cần nhấn mạnh: Thực tập sống tình mến Chúa yêu người noi gương Chúa Giê-su như Mẹ Ma-ri-a; Lời Chúa là ánh sáng soi đường con đi; Làm chứng nhân tình yêu của Chúa ngay tại môi trường sống và làm việc của mình.

c) Những điều nên tránh: Anh chị em trong Gia Đình nhóm nhỏ tránh nói hành khích bác nhau hoặc tranh cãi to tiếng; Tránh bỏ sinh hoạt GD mà không báo cho Trưởng Gia Đình; Tránh thái độ vô trách nhiệm với việc chung GD. Nhất là tránh vay mượn tiền bạc mà không thanh toán sòng phẳng, thường là nguyên nhân gây sự bất bình và làm tan rã Gia Đình.

4. SINH HOẠT HÀNG TUẦN CỦA GIA ĐÌNH SĐKT-HHTM:

a) Sinh hoạt Gia Đình Nhóm Nhỏ: Mỗi tuần hay hai tuần các thành viên Gia Đình Nhóm Nhỏ sẽ họp mặt với nhau một lần. Mỗi tháng sinh hoạt chung cả Đoàn ngành hay Xứ Đoàn HHTM một lần để cùng dự thánh lễ và giờ thánh “Cùng Mẹ thờ Chúa” chung. Nội dung mỗi buổi Hiệp sống Tin Mừng theo năm phụng vụ ABC, hoặc theo đề tài thực tập nếp sống nhân bản hay thực tập xây dựng hạnh phúc Gia Đình... cùng nhau đọc Kinh Tối Gia Đình luân phiên và thi hành các công tác tông đồ bác ái phục vụ. Thời gian mỗi buổi họp 45-60 phút cho sinh hoạt Gia Đình Nhóm Nhỏ hay 60-90 phút cho sinh hoạt chung Đoàn ngành hay Xứ Đoàn HHTM.

b) Công tác của Gia Đình Nhóm Nhỏ: Điều quan trọng là thành viên GD phải chăm chỉ tham dự học sống Lời Chúa để giúp nên thánh và hiệp cùng với Mẹ Maria thăm viếng để làm chứng cho Chúa bằng việc thi hành công tác phục vụ cộng đoàn, thăm hỏi và chia sẻ bác ái giúp đỡ người nghèo khổ, bệnh tật, bất hạnh... để đem Chúa là niềm vui, bình an và hạnh phúc cho họ. Trưởng GD có bốn phận nhận công tác từ Xứ Đoàn HHTM để phân công cho mỗi tiểu tổ thi hành và phải báo cáo công tác trong các buổi sinh hoạt chung Đoàn ngành hay Xứ Đoàn hàng tháng.

TÓM LẠI: Gia Đình Nhóm Nhỏ - Hiệp cùng Thánh Mẫu - Xin ơn Thánh Thần - Hiệp sống Tin Mừng - Vâng theo ý Chúa - Thăm viếng chia sẻ - Làm chứng cho Chúa.

5. LỜI CẦU:

Lạy Chúa Cha từ bi nhân ái. Xin đổ ơn Thánh Thần giúp chúng con đi theo linh đạo Hiệp Hội Thánh Mẫu là “Hiệp Sống - Xin Vâng - Phục Vụ” noi gương Chúa Giê-su như Mẹ Maria. Xin cho chúng con biết liên kết với nhau thành những Cộng Đoàn Nhóm Nhỏ là những Gia Đình Sống Đời Kitô HHTM, để hằng tuần họp nhau sinh hoạt hiệp sống Tin Mừng, hầu giúp nhau nên thánh theo ba cấp như sau: Một là thực tập nếp sống nhân bản Ki-tô giáo để nên con thảo của Chúa Cha; Hai là thực tập lối sống yêu thương cụ thể để nên môn đệ thực sự của Chúa Giê-su; Ba là thực tập truyền giáo bằng việc hằng tháng hiệp cùng Mẹ Ma-ri-a làm công tác thăm viếng phục vụ hầu đem Chúa đến với những anh chị em chưa biết Chúa và những người đau khổ bất hạnh, hầu tích cực góp phần làm cho Nước Cha mau tri đến.

X) HIỆP CÙNG MẸ MA-RI-A. – Đ) XIN CHÚA NHẬM LỜI CHÚNG CON.

LM ĐAN VINH - HHTM

VỀ MỤC LỤC

Kể từ khi nhận trách nhiệm chăm sóc đoàn chiên của Thiên Chúa ở trần gian, Đức Thánh Cha Phanxico đã mở ra cho Giáo Hội một hướng đi hết sức cụ thể và thu phục được sự đồng thuận của nhiều người, thật ra không phải là hướng đi mới nhưng ngài dẫn chúng ta trong một góc cạnh, một tầm nhìn, một ánh sáng đã được Công Đồng Vatican II mở ra mà bây giờ ngài làm cho rõ nét hơn trong thực tế.

Những vấn đề ngài quan tâm rất thực tế : Người nghèo, hòa bình và môi trường, đó là những vấn đề mà Giáo Hội đeo đuổi bao nhiêu thế hệ, Công đồng Vatican II đề cập mạnh mẽ, không vị Giáo hoàng nào không miệt mài lên tiếng và hoạt động tích cực cho các vấn đề vừa nêu. Nơi Đức Thánh Cha Phanxico, không chỉ lên tiếng, xác định lập trường, nhưng gây dấu ấn mạnh mẽ bởi sự tham dự đích thân của ngài cho các vấn đề của Tin Mừng đặt ra. Những quyết định và những chọn lựa của ngài trong cuộc sống đời thường tự nó cho chúng ta lời khẳng định về đường hướng, sẽ là dư thừa nếu kể ra những sự kiện đó ở đây, các phương tiện truyền thông ghi lại đầy những hành động này.

Câu nói nổi tiếng *“Ngày nay chúng ta cần chứng nhân hơn là cần thầy dạy”* đã được chứng minh rất cụ thể từ nơi con người của vị tân Giáo hoàng. Chúng ta có một câu trả lời phỏng vấn của vị được bổ nhiệm làm Giám mục Phụ tá Giáo Phận Hưng Hóa, Đức Cha An Phong Nguyễn Hữu Long khi Ông Lê Quang Vinh đặt câu hỏi cho website Vietcatholic ngày 2 tháng 7 vừa qua:



*“Đức Cha An-phong: Đức Phanxicô đã lay động con tim mọi người từ khi được chọn làm giáo hoàng,Cảm kích về một câu nói ấn tượng trong bài giảng lễ Dầu thứ Năm Tuần Thánh năm nay, **tôi đã chọn câu nói đó làm châm ngôn : “Mang vào mình mùi chiên”**. Tôi nguyện sống gần gũi với đoàn chiên, chia sẻ đau khổ và khó khăn, nhận lấy bệnh tật của họ như là của mình. Chúa Giêsu đã nêu gương như thế, khi “mang lấy các tật nguyên của ta, và gánh lấy các bệnh hoạn của ta” (Ys 53,4). Ngài không ngần ngại ăn uống với người thu thuế, tiếp xúc với người cùng đĩnh, cúi xuống với những người đau khổ bệnh hoạn... .”*

Đọc những dòng chữ trên làm chúng ta nhớ đến lời mở đầu Hiến Chế Mục vụ về Giáo Hội trong Thế giới ngày nay của Công Đồng Vatican II : **“Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô,”**

Chọn lựa như trên thật bình thường nhưng cũng phải thật can đảm vì Chúa Kitô đã chọn lựa và đã phải trả giá cho sự chọn lựa đó, Giáo Hội từng nơi từng lúc và từng con người cũng đã chọn lựa như vậy và cũng đã phải trả giá cho sự chọn lựa. Chúa Kitô dám sống dám chết cho bầy chiên, có những vị mục tử tốt lành đã dám sống dám chết cho bầy chiên, cái định luật sống chết cho bầy chiên là định luật của lòng xót thương bất di bất dịch.

Ngày nay, trên quê hương đất nước này, mùi của chiên không dễ nhận một chút nào, không nói hết và không diễn tả hết được mùi của chiên, chỉ khi dấn mình vào, sống giữa bầy, cùng ăn cùng uống với bầy, tự nhiên mùi chiên sẽ “ám” vào thân thể, có thể lúc đầu rất khổ sở vì những mùi không phải là của mình, nhưng mảnh đất sẽ không trở nên tốt nếu không có lưỡi cày sấn vào xới tung lên.

Chúng ta cầu nguyện cho Giáo Hội Việt Nam luôn có những mục tử dám “mang vào mình mùi chiên”, chúng ta cầu nguyện đặc biệt cho vị Tân Giám mục đáng kính đủ sức mạnh Thần Linh để can đảm “mang vào mình mùi chiên”, cách riêng thân phận mùi chiên ở Việt Nam không dễ mang chút nào !

Chúng ta có bốn phận cầu nguyện và đồng hành với ngài, đồng hành với quyết định quảng đại và đầy lòng yêu mến của ngài.

Lm. Vĩnh Sang, dcct.

VỀ MỤC LỤC

PHÒNG VẤN ĐỨC CHA AN-PHONG NGUYỄN HỮU LONG - TÂN GIÁM MỤC PHỤ TÁ GIÁO PHẬN HƯNG HOÁ

PV: Kính thưa Đức Cha, trước hết, trong tâm tình tạ ơn Thiên Chúa, chúng con xin được chúc mừng Đức Cha trong sứ vụ mới. Và xin Đức Cha cho chúng con biết đôi nét về giáo phận mà Đức Cha sắp đến phục vụ.



Đức Cha An-phong: Tôi xin thú thật chưa biết nhiều về giáo phận Hưng Hoá, dù đã đến một vài nơi. Nhưng qua tìm hiểu thì đây thật là một giáo phận rộng lớn, bao gồm 9 tỉnh phía Tây Bắc và 1/6 thủ đô Hà Nội. Giáo phận hiện có 71 linh mục, trong đó 5 cha hưu, 5 cha du học, chỉ còn 61 cha làm mục vụ cho hơn 200.000 giáo dân. Giáo xứ Mường Tè xa nhất, cách tòa giám mục 750 cây số. Cha Nguyễn Trung Thoại, chánh văn phòng tòa giám mục, mỗi tuần phải đi và về 900 cây số để làm mục vụ tại Sơn La. Một cha cho biết giáo phận cần thêm 100 linh mục mới đáp ứng đủ nhu cầu. Địa bàn giáo phận rộng lớn, đồi núi chập chùng, giao thông hiểm trở, nên các linh mục thật vất vả trong việc mục vụ. Lo cho người có đạo chưa xong, thì công cuộc truyền giáo càng là một thách đố, nhất là tại đây có nhiều sắc tộc mà ít người biết đến tên gọi như Dao, Sán Chay, Khơ Mú, Hà Nhì, La Chí, Phù Lá, Sán Chỉ, Bô Y... Về mặt xã hội, vì

tiếp giáp biên giới Trung quốc, Lào, nên tệ nạn xã hội dễ thao túng và hoành hành. Dầu thấy trước những vấn đề nan giải như vậy, nhưng tôi vẫn trông cậy và phó thác trong tay Chúa mà chấp nhận dấn thân phục vụ.

PV: Trong một giáo phận rộng lớn với địa thế hiểm trở và rất đông giáo dân, Đức Cha đang chuẩn bị thế nào cho công việc mục vụ ạ ?

Đức Cha An-phong: Tôi chưa chuẩn bị gì cả ! Trước hết, vì là phụ tá, nên tôi sẽ để mình dưới sự hướng dẫn của đức giám mục giáo phận, ngài sẽ chỉ vẽ cho tôi đường hướng mục vụ. Tôi cũng sẽ học hỏi với các linh mục. Ngoài ra, cần có thời gian tiếp cận trực tiếp giáo phận mới biết được phải làm gì và làm như thế nào. Tóm lại, tôi sẽ theo phương pháp công giáo tiến hành : xem - xét - làm.

PV: Xin Đức cha cho chúng con biết đôi chút về hành trình ơn gọi của mình ?

Đức Cha An-phong: Hành trình ơn gọi của tôi, như mọi anh em chủng sinh cùng thời, không hoàn toàn suôn sẻ. Tôi bắt đầu đi tu vào năm 12 tuổi, trải qua bảy năm tu học rất thần tiên tại Tiểu chủng viện Thánh Gioan ở Đà Nẵng. Tiếp đó là ba năm triết học êm đềm tại Đại chủng viện Hòa Bình, cũng ở Đà Nẵng. Sau biến cố 1975, dù chủng viện đóng cửa, tôi vẫn may mắn được học thêm ba năm thần học tại Tòa giám mục Đà Nẵng, vừa học vừa làm một nghề gì

đó để mưu sinh. Tôi đã từng làm nghề thợ nhuộm, hớt tóc, vắn thuốc lá... mà đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ những kỷ niệm cười ra nước mắt khi cầm tông đơ hớt tóc. Cuối năm 1978, tôi làm nghĩa vụ thanh niên tại công trường thủy lợi Phú Ninh trong ba năm rưỡi. Trở về, tôi lặng lẽ tu học và lao động thêm tám năm nữa. Ngày 27.12.1990, tôi được chịu chức linh mục và làm phó xứ Tam Kỳ trong bốn năm. Từ 1994-1998, tôi được gửi đi học giáo luật tại đại học công giáo Paris. Về nước, tôi phụ trách giáo xứ Hà Lam trong hai năm, rồi giáo xứ Trà Kiệu nơi có Trung Tâm Thánh Mẫu giáo phận trong ba năm, đồng thời dạy học tại Đại chủng viện Huế. Năm 2003, tôi gia nhập hội Linh Mục Xuân Bích và làm công việc đào tạo tại chủng viện này. Những trải nghiệm khách quan nằm trong giai đoạn từ 1975-1990, mà nhờ ơn Chúa, tôi vẫn giữ được ơn gọi.

PV. *Đức Cha đã từng làm quản xứ, rồi giáo sư và giám đốc chủng viện, Đức Cha nhận thấy đâu là ưu tiên trong công việc của một mục tử trong giáo phận ?*

Đức Cha An-phong: Việc mục vụ còn được gọi là việc chăm sóc các linh hồn (cura animarum), nên ưu tiên thứ nhất của một mục tử là săn sóc phần hồn của giáo dân. Thánh vịnh 22 vẽ nên bức tranh của việc mục vụ : dẫn chiên đến đồng cỏ xanh, bờ suối mát để được bổ dưỡng ; chăm sóc chiên cho mạnh khỏe, không bệnh tật ; canh chừng không để chiên bị lạc hay bị sói tấn công... Tại giáo phận Hưng Hóa có nhiều họ đạo vắng bóng linh mục ba bốn mươi năm nay, giáo dân vẫn giữ đức tin, có những tín hữu chỉ tham dự thánh lễ được một hai lần trong năm... Chúng ta phải chạnh lòng thương họ như Chúa Giêsu xưa, vì họ “tắt tưới bơ vơ như chiên không có người chăn” (Mt 9,32).

Ưu tư thứ hai là hệ luận của ưu tư trên, là lo cho có những mục tử tốt. Hưng Hóa cho đến nay vẫn có nhiều ơn gọi linh mục và tu sĩ, vẫn có nhiều người muốn làm thợ trong cánh đồng của Chúa. Phải làm sao giúp họ theo đuổi ơn gọi cao quý này.

Ưu tư thứ ba : đứng trước những thực trạng đáng buồn như nghèo đói, thất học, tệ nạn xã hội..., tôi băn khoăn mình sẽ làm gì để đẩy lùi những thực trạng trên.

Tóm lại, xây dựng con người là ưu tiên mục vụ, trước khi xây dựng những gì khác.

PV. *Đức Cha là một trong những vị Giám mục đầu tiên được Đức Thánh Cha Phanxicô bổ nhiệm. Đức Cha có thể chia sẻ cho chúng con một vài tâm tình cũng như mong ước của Đức Cha trong những ngày chuẩn bị về nhận sứ vụ mới ?*

Đức Cha An-phong: Đức Phanxicô đã lay động con tim mọi người từ khi được chọn làm giáo hoàng, ngài mở ra cho Giáo Hội một hướng đi mới khi chọn sống đơn sơ giản dị, thanh thoát vật chất và gần gũi với mọi người, là anh em với mọi người. Làm giáo hoàng mà ngài vẫn nhớ đến một người làm vườn, một ông thợ đóng giày, một tu sĩ quen biết. Ngài cúi xuống rửa chân cho các tù nhân trẻ trong trại giam, dâng thánh lễ hàng ngày trong một nhà nguyện cho giáo dân tham dự... Tôi vui mừng được là một trong những giám mục đầu tiên của triều đại ngài. Cảm kích về một câu nói ẩn tượng trong bài giảng lễ Dầu thứ Năm Tuần Thánh năm nay, tôi đã chọn câu nói đó làm châm ngôn : “Mang vào mình mùi chiên”. Tôi nguyện sống gần gũi với đoàn chiên, chia sẻ đau khổ và khó khăn, nhận lấy bệnh tật của họ như là của mình. Chúa Giêsu đã nêu gương như thế, khi “mang lấy các tật nguyên của ta, và gánh lấy các bệnh hoạn của ta” (Ys 53,4). Ngài không ngần ngại ăn uống với người thu thuế, tiếp xúc với người cùng đinh, cúi xuống với những người đau khổ bệnh hoạn... Cũng vì muốn dẫn thân theo đường hướng của Đức Phanxicô, nên tôi đã xin được thụ phong tại Hưng Hóa, để nhập cuộc ngay từ giây phút khởi đầu sứ vụ giữa lòng dân Chúa.

PV. *Chúng con xin hỏi một câu hỏi có tính riêng tư. Đức Cha có thể chia sẻ cho chúng con một chút về gia đình Đức Cha, một gia đình có đến ba anh em được Chúa gọi làm linh mục trong Hội Thánh Công Giáo?*

Đức Cha An-phong: Gia đình chúng tôi được hồng phúc dâng cho Chúa ba người con : anh làm quản xứ Tam Kỳ, giáo phận Đà Nẵng ; em út làm linh mục tại giáo phận Regina (Canada), và tôi. Cha mẹ và anh chị em chúng tôi là những giáo hữu bình thường, ít học, nhưng có lòng tin kính Chúa và giữ đạo tốt. Gia đình có thói quen tốt lành là không bỏ giờ kinh tối. Cha mẹ tôi thường bảo : “Mỗi ngày ta nhận được bao nhiêu ơn Chúa, mà tối đến không có lời kinh cảm tạ Chúa, coi sao được” ! Trong những năm khó khăn, thấy gia đình bị khốn đốn ở vùng kinh tế mới, hai anh em chúng tôi nảy ý định xin về giúp gia đình một thời gian rồi sau tu tiếp, nhưng cha mẹ tôi cương quyết : “Các con cứ việc đi theo Chúa, không phải bận tâm tới gia đình, cứ coi như cha mẹ và các em chết hết rồi” ! Trong những lá thư gửi cho chúng tôi, ba tôi thường kết thúc như sau : “Ba mẹ và các em hằng cầu xin Chúa cho các con được ơn bền đỗ trong nhà Chúa”. Tôi nghĩ rằng nhờ lòng đạo đức của gia đình mà chúng tôi đã được Chúa chọn.

PV. Chúng con xin chân thành cảm ơn Đức Cha. Người đọc và người viết chúng con sẽ cầu nguyện nhiều cho Đức Cha trong sứ vụ mới. Xin Đức Cha chúc lành cho chúng con.

Gioan Lê Quang Vinh thực hiện

VỀ MỤC LỤC

MÌNH VỚI TA TUY HAI MÀ MỘT. TA VỚI MÌNH TUY MỘT MÀ HAI

THẾ NÀO LÀ TÌNH YÊU ?

Trong những ngày lễ Hôn Phối chúng ta thường nghe đọc:

”Thiên Chúa là Tình Yêu. Chúng ta hãy thương yêu nhau như Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta.”

Nhưng thế nào là tình yêu? Và yêu nhau như thế nào mới gọi là yêu?

Tôi xin mượn hai câu thơ của Trần tế Xương để định nghĩa hai chữ Tình Yêu:

MÌNH VỚI TA TUY HAI MÀ MỘT

TA VỚI MÌNH TUY MỘT MÀ HAI

Tú Xương khi nhìn lên bức tranh được treo trên bức tường, ông đã nhận ngay ra: đó chính là hình ảnh, là chân dung, là con người của mình, nên đã ứng khẩu thốt lên hai vắn thơ bất hủ đó.

Tôi còn nhớ cách đây không lâu, cô dâu có đến tâm sự với tôi với tư cách là một người cháu:

Chú ơi! Cháu gặp anh này trong một trường hợp hết sức tình cờ. Nhân một ngày sinh nhật của một cô bạn. Chúng cháu đến chúc mừng. Mọi người đều ca hát nhảy múa với nhau vui vẻ. Bỗng nhiên, anh này nhìn cháu sững sốt. Rồi anh suy nghĩ một hồi lâu như muốn lục lọi một cái gì trong ký ức. Sau đó, anh đến với cháu và nói:

Xin lỗi! Cô tên gì?

Em tên Ái Nhi.

Hình như mình đã gặp Ái Nhi ở đâu rồi. Mình còn nhớ nét mặt quen quen, nhưng không biết là đã gặp ở đâu?

Em cũng không rõ nữa!

Chính câu hỏi quá ngỡ ngàng, quá ngạc nhiên đó đã làm cho cô bé thêm lúng túng. Và càng lúng túng, càng làm cho hai gò má của cô bé càng thêm xinh xắn. Cũng từ giờ phút ấy hai người đã bắt đầu gặp gỡ.

Hãy ngắm nghĩ xem: Có hàng tỷ tỷ người trên trần gian, nhưng người thanh niên này đã không nhìn thấy một hình ảnh quen thuộc nào nơi những con người khác mà chỉ nhìn thấy hình ảnh đó nơi cô bé này thôi. Phải chăng có một cái gì đó huyền diệu, khó hiểu.

Và rồi, có người cho đó là cách thức của những anh chàng ma lanh, lém liếng, biết nịnh đầm, biết dựng chuyện để tìm cách làm quen, tìm cách gọi chuyện cho những buổi gặp gỡ ban đầu.

Nhưng cũng có người tin rằng ở một kiếp nào đó trước đây, họ đã từng gặp nhau, từng quen biết nhau, và bây giờ họ nhớ lại những ngày xa xưa đó họ đã từng thân thiện, từng quen biết.

Thật ra, trong cuộc sống của chúng ta, chắc nhiều người cũng đã từng có kinh nghiệm này: bỗng một ngày nào đó, có người từ đâu đến nói với chúng ta rằng nếu tôi không lầm thì hình như tôi đã có dịp gặp anh hay chị ở đâu đó rồi vì tôi thấy anh chị có nét gì quen quen, khiến chúng ta phải tìm lại ký ức, lục lọi, hồi tưởng mãi nhưng vẫn không tìm ra đã có lần nào gặp gỡ họ.

Vâng, rất có thể chúng ta đã được sinh ra ở một kiếp nào trước như quan niệm nhà Phật hay như triết gia Platon đã từng chủ trương: chúng ta đã được sinh ra ở trong tiền kiếp và bây giờ chúng ta nhớ lại một cuộc sống thuở nào.

Nhưng không, với các nhà tâm lý học thì không cần gì phải ở tiền kiếp mà chính ngay trong kiếp sống hiện tại chúng ta đã có lần gặp gỡ. Chúng ta đã không gặp gỡ chính con người ấy, nhưng đã gặp gỡ những người thân yêu của chúng ta chẳng hạn như bố mẹ, anh chị em, cô bác, hay những người bạn thân tình của chúng ta. Họ là những người đã sinh ra, đã nuôi dưỡng, và yêu thương ấp ủ chúng ta. Họ là những người đã dạy dỗ, nâng đỡ, dìu dắt chúng ta để chúng ta có được ngày hôm nay. Và vì thế, chúng ta cũng cảm thấy yêu thương và quý mến họ. Những hình ảnh, những kỷ niệm êm đẹp đó không bao giờ xóa nhòa khỏi tâm trí chúng ta. Nên một khi gặp một người có khuôn mặt, diện mạo, hay giọng nói, cử chỉ giống những người thân yêu chúng ta đó, chúng ta có cảm tưởng họ là những người quen thuộc mà thật ra chúng ta chưa bao giờ gặp gỡ.

Cũng chính vì thế, cho dầu là mới chỉ gặp lần đầu, chưa nói được nhiều, chưa hiểu được bao nhiêu, nhưng chúng ta cũng cảm thấy có một cái gì thu hút, có một cái gì hấp dẫn, có một cái gì quyến luyến, có một cái gì gắn bó, có một cái gì tin tưởng, có một cái gì đáng để chúng ta trao gửi một tâm tình, một hướng đi, một cuộc đời mà nhiều người đã gọi đó là duyên phận do ông tơ bà nguyệt nối kết, còn chúng ta thì gọi là sự an bài của Thiên Chúa.

Vâng, tình yêu chính là duyên phận, là cảm nhận của con tim, là trực giác của lý trí, vừa gặp gỡ là đã nhận ngay ra: đó chính là con người mình muốn tìm, là hình ảnh mình theo đuổi, là bức chân dung mình muốn vẽ, nên vừa nhìn thấy, cũng như Tú xương chúng ta cảm thấy hứng chí để thốt lên ngay:

MÌNH VỚI TA TUY HAI MÀ MỘT

Tình Yêu là trở nên Một: một con người, một tâm hồn, một ý chí, một con tim, một xương, một thịt.

Nhưng, dẫu cho chúng ta có muốn trở nên một con người, một xương, một thịt chúng ta cũng vẫn luôn là hai. Tú Xương đã trực giác được điều đó nên đã thốt lên vần thơ thứ hai:

TA VỚI MÌNH TUY MỘT MÀ HAI

Cái con số hai muốn nói lên cho chúng ta rằng: có sự đa dạng, có sự phong phú, có sự khác biệt. Thật vậy, có một hố ngăn cách, một khoảng trống nào đó giữa hai người phối ngẫu mà dẫu cho họ có muốn lấp đầy, muốn xóa bỏ họ vẫn không thể nào làm được. Chính ở nơi đó, họ phải cần đến tình yêu, đến hồng ân của Thiên Chúa để bù đắp cho những thiếu sót, những bất toàn của con người. Đó chính là lý do tại sao chúng ta cảm thấy mình không bao giờ hoàn toàn thỏa mãn với người khác ngay cả với người phối ngẫu của mình. Vì thế, chúng ta phải sẵn sàng chấp nhận, chấp nhận những khác biệt như một sự bổ túc, một sự phong phú cho những bất toàn của nhau.

Ngày xưa, khi còn sống xa cách, chúng ta chỉ nhìn thấy những cái đẹp của nhau nên chúng ta dễ kính trọng và yêu thương nhau. Nhưng một khi về chung sống, chúng ta dễ nhìn thấy những cái xấu, những bất toàn của nhau nên sẽ dễ lên án nhau.

Hãy nhớ rằng: không ai hoàn toàn xấu, cũng không ai hoàn toàn tốt. Ai cũng có những cái hay, cái đẹp cũng như những cái dở, cái xấu. Cái mầm mống tốt cũng như mầm mống xấu đều có ở trong mỗi người chúng ta. Điều quan trọng là chúng ta phải biết làm cho những cái hay, cái đẹp nơi người phối ngẫu chúng ta phát triển, phải biết làm cho những bông hoa xinh đẹp nơi người yêu chúng ta thắm nở. Có được như vậy, cuộc đời chúng ta, hôn nhân chúng ta, gia đình chúng ta sẽ trở thành một vườn hoa tình ái, một thiên đàng trần thế mà chúng ta có thể tận hưởng ngay ngày hôm nay, vì thiên đàng không phải là một cái gì xa xôi chúng ta phải đợi chờ sau cuộc sống, mà là một tình trạng tràn đầy hạnh phúc, tràn đầy tình yêu, tràn đầy ân sủng mà Thiên Chúa muốn ban tặng cho chúng ta ngay trong cuộc sống này. Bao lâu gia đình chúng ta có tràn đầy tình yêu, cuộc sống chúng ta đầy tràn hạnh phúc, bấy giờ Thiên Chúa cũng ngự trị giữa chúng ta, và đó chính là thiên đàng của chúng ta ngay giữa trần thế. Nhưng bao lâu gia đình chúng ta không có tình yêu, cuộc sống chúng ta không có hạnh phúc, bấy giờ tha nhân chính là hỏa ngục đối với chúng ta. Hỏa ngục không là gì xa xôi mà chính là cái hiện tại bất hạnh của chúng ta. Khi hai người chung sống với nhau mà không còn tình yêu nữa thì bấy giờ tha nhân chính là hỏa ngục cho cuộc sống hiện tại của chúng ta.

Thiên đàng hay hỏa ngục không nằm đâu xa vời, không nằm trên không trung, cũng không nằm dưới lòng đất, nhưng nằm ngay bên cạnh chúng ta, trong tâm hồn chúng ta, trong gia đình chúng ta, trong cuộc sống chúng ta mà tất cả chúng ta đều có thể tận hưởng ngay từ hôm nay.

Chính vì thế, tôi xin nói với cô dâu chú rể: trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta cũng hãy lấy tình yêu đối xử với nhau, vì nơi nào có nhiều tình yêu thì đau khổ sẽ ít (love more, suffering less). Và thiên đàng không là gì khác hơn là sự hòa hợp của hai tâm hồn trong sự chan chứa tình yêu mà nhà thơ Trần Tế Xương đã diễn tả một cách khéo léo và thi vị:

MÌNH VỚI TA TUY HAI MÀ MỘT
TA VỚI MÌNH TUY MỘT MÀ HAI.

trích trong tác phẩm "Sức Mạnh Tình Yêu" của Lm. Lê Văn Quảng

Những tác phẩm của cùng tác giả:



Cuốn 1: "Sức Mạnh Tình Yêu" (Kinh nghiệm mục vụ).

Cuốn 2: "BÍ QUYẾT GIÁO DỤC CON TRẺ THÀNH CÔNG" (Tâm lý giáo dục).



Cuốn 3: "ĐƯỜNG VÀO THIÊN ĐÀNG TÌNH ÁI" (Tâm lý mục vụ hôn nhân).

Cuốn 4: "CHUẨN BỊ LÊN ĐƯỜNG" (Tâm lý mục vụ bệnh nhân)

(Cuốn 1 đã được phát hành, và các cuốn 2, 3, 4 sẽ được phát hành trong nay mai tại các nhà sách Công giáo Việt Nam)

Lm Lê Văn Quảng Psy.D.

VỀ MỤC LỤC

Cậu sẽ đến

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẩu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẩu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : TÌNH YÊU

186. Cậu sẽ đến

“Thưa ngài, chưa thấy bạn tôi về. Xin cho phép tôi đi tìm”.

“Không được”, sĩ quan đáp. “Tôi không muốn anh liều mạng vì một người có lẽ đã chết”.

Người lính vẫn đi, và một giờ sau, đúng như thế, anh trở về thương tích gần chết, mang theo xác của người bạn.

Sĩ quan nổi giận. “Tôi đã bảo cậu anh ta chết rồi. Bây giờ tôi mất cả hai người. Anh nói xem, có đáng ra đi như thế để mang về một cái xác không?”.

Chàng trai sắp chết trả lời, “Ồ, thưa ngài, đáng chứ. Khi tôi đến đó, cậu ấy vẫn còn sống và cậu ấy bảo, ‘Jack ạ, tớ chắc là cậu sẽ đến’”.

گ

187. Khi nào con chết?

Một cô bé sắp chết với căn bệnh mà anh trai tám tuổi của cô vừa thoát khỏi trước đó.

Bác sĩ bảo cậu bé, “Chỉ cần chuyển máu của cháu vào cho em cháu, cháu sẽ cứu được em. Cháu sẵn sàng cho máu chưa?”.

Đứa trẻ trở mặt sợ hãi. Do dự một lúc, cuối cùng, cậu nói, “Được, thưa bác sĩ, con sẵn sàng”.

Một giờ sau khi chuyển máu, cậu bé lúng túng hỏi, “Xin bác sĩ nói cho con biết khi nào con chết!”.

Chỉ lúc này bác sĩ mới hiểu tại sao cậu bé đã cảm thấy sợ hãi: cậu tưởng khi cho máu là cậu cho đi sự sống của mình để cứu em.

گ

188. Ai chết thay?

Một môn đồ rất ước ao từ bỏ thế gian, nhưng cậu nói, gia đình quá yêu thương không cho cậu ra đi.

“Yêu thương?”. Thầy cậu bảo, “Chẳng yêu thương gì đâu. Hãy nghe đây...”.

Ông tiết lộ một bí mật yoga, nhờ đó, cậu có thể giả chết. Hôm sau, đúng như thật, cậu ấy chết... và ngôi nhà vang tiếng khóc than.

Vị thiền sư xuất hiện, bảo gia đình sầu khổ ấy rằng, ông có thể làm cho cậu ấy sống lại nếu ai đó chết thay cậu. Có ai tình nguyện không?

“Người chết” hết sức ngạc nhiên vì mọi thành viên trong gia đình bắt đầu đưa ra những lý do tại sao họ phải sống. Vợ cậu tóm kết tình cảm của mọi người bằng những lời sau đây, “Thật sự không cần phải có ai chết thay anh ta. Không có anh ấy, chúng tôi vẫn xoay xở được”.

گ

189. Cứu bọn trẻ

Ba người đang dùng cà phê trong bếp, bọn trẻ chơi trên lầu. Trong câu chuyện, họ hỏi nhau sẽ làm gì nếu có tai nạn xảy ra... và mỗi người đều quả quyết việc đầu tiên là cứu bọn trẻ.

Thình lình, nắp an toàn của nồi hấp nổ tung, căn phòng đầy hơi nước. Trong mấy giây, mọi người thoát khỏi nhà bếp – trừ bọn trẻ vẫn chơi trên lầu.



190. Khóc cho mình

Tại đám tang của một người rất giàu có, người ta thấy một người lạ mặt khóc lóc lớn tiếng như những người khác.

Linh mục chủ sự tiến lại gần anh và hỏi, “Có lẽ anh là người bà con với người quá cố phải không?”. “Thưa không”.

“Thế tại sao anh khóc?”

“Đó là lý do”.

Mọi khóc than - dù vào dịp nào đi nữa - đều vì chính mình.



191. Khóc mà chi

Một xí nghiệp đang bốc cháy, ông chủ đứng tuổi khóc thương tiếc xót.

“Cha, cha khóc làm gì?”, cậu con trai hỏi, “Cha quên là chúng ta đã bán xí nghiệp cách đây bốn ngày sao?”.

Lập tức, điều đó ngăn dòng lệ của cụ.



VỀ MỤC LỤC

BÍ QUYẾT SỐNG TRUNG TÍN VÀ THÀNH CÔNG TRONG SỰ VỤ LINH MỤC (CHIA SẺ VỚI HỘI NGỘ CỰU SINH VIÊN XUÂN BÍCH - ĐÀ LẠT NGÀY 9-11/7/2013)

Kính thưa Quý Đức Cha và Quý Cha,

Đức Cha Alphongsô NGUYỄN HỮU LONG, GM Phụ Tá Hưng Hóa, Đại Diện Giám Tỉnh Xuân Bích tại Việt Nam, sắp xếp với Cha Hương cho con đến chia sẻ đôi điều trong cuộc Hội Ngộ Xuân Bích này, nhưng con sẽ không mang lại cái gì mới mẻ hay suy tư cao siêu nào hết. Cái gì quý cha cũng đã học, đã biết hết rồi. Con chỉ xin được cùng quý cha đọc lại, ôn lại, nhớ lại với nhau trong bầu khí huynh đệ bí tích linh mục thuộc gia đình Xuân Bích một vài phương thế khả dĩ sống trung tín và thành công trong đời sống và sự vụ linh mục của chúng ta, trong chiều kích đời sống nội tâm thiêng liêng, lẫn trong chiều kích sự vụ đối với đoàn chiên:

- Linh mục và Chúa Giêsu Thánh Thể,
- Linh mục và Con đường Thập giá,
- Linh mục sống dưới sự bảo trợ của Mẹ Maria,
- Linh mục sống mối hiệp thông huynh đệ,

- Linh mục buông theo Chúa Thánh Thần,
- Linh mục luôn nghĩ đến trách nhiệm lo cho các linh hồn.

1. Linh Mục và Chúa Giêsu Thánh Thể

Thánh Thể là “suối nguồn và chóp đỉnh của đời sống và sứ vụ của Hội Thánh” nên cũng là trung tâm đời sống và sứ vụ linh mục vì có một mối tương quan rất chặt chẽ giữa cử hành Thánh Lễ và rao giảng Đức Kitô. Những gì Chúa Giêsu đã nói và đã làm trong bữa Tiệc Ly,^[1] khi thiết lập Bí tích Thánh Thể và chức linh mục, đều giúp đời sống thiêng liêng của chúng ta lớn lên dần dần đến độ chúng ta “trở nên và sống như một Kitô Khác trong mọi hoàn cảnh sống”^[2] và “các sinh hoạt hàng ngày của linh mục sẽ thực sự mang ý nghĩa và chiều kích Thánh Thể.”^[3]

Trước hết, việc soát xét lương tâm thánh Phaolô dạy^[4] để chuẩn bị dâng thánh lễ và rước lễ sẽ giúp chúng ta ý thức mình bất xứng, phải cậy dựa vào sự trợ giúp của Chúa và sự bổ khuyết của Giáo Hội (“*Ecclesia supplet*”). Để minh họa ý thức bất xứng ấy, con xin kể lại câu chuyện Đavít ăn bánh trưng hiến^[5]. Điều này giúp chúng ta sống đầy đủ chiều kích hiệp thông và cộng tác với mọi thành phần của Hội Thánh/Nhiệm Thể Đức Kitô. Thiên Chúa tỏ lộ mầu nhiệm ý định của Ngài trong phụng vụ Lời Chúa, mà chúng ta phải liên kết với các thực tại của cuộc sống, ngõ hầu cuộc sống được biến đổi bởi chính Lời ấy. Chúng ta công bố Lời và Ý Chúa mà chúng ta đã tin và đang sống, nhờ đó, tín hữu cũng được thúc đẩy sống, hoán cải, biến đổi và hành động xứng danh Kitô hữu.

Ngày thụ phong, chúng ta đã nhận lấy quà tặng quý giá chức linh mục trong niềm hăng say, hạnh phúc và biết ơn. Với dòng thời gian thăng trầm đổi thay, cuộc sống và sứ vụ linh mục không luôn tránh khỏi khó khăn và thập giá, nhưng nếu bây giờ cho chọn lại, chắc chắn mỗi người chúng ta đều vẫn sẵn sàng thừa “xin vâng” với ý thức, quyết tâm và bình an. Vì như đã làm trong bữa tiệc ly với bánh, Chúa Giêsu cũng cầm lấy chúng ta và chúc phúc cho chúng ta, khi kêu gọi và tuyển chọn chúng ta. Chúng ta tạ ơn Chúa và có lẽ phải hét lên vui mừng, vì tình yêu vô điều kiện Chúa ban và vì may mắn của chúng ta, là được chọn dù chưa chắc chúng ta đã tốt hơn những người khác. Ước gì chúng ta không bao giờ sợ bị cầm lấy và chúc phúc như thế, bởi Chúa và bởi đoàn chiên đã được trao phó cho chúng ta chăm sóc mục vụ, kể cả qua những gánh nặng, thử thách, khó khăn, tuổi tác và bệnh tật.

Để luôn trung thành giữ lời cam kết với Chúa và với Hội Thánh, đôi khi chúng ta cảm thấy đời sống và con tim bị bẻ ra vì hiểu lầm và đau khổ, vì sự cô đơn và những chiến đấu chống lại những ước muốn nhân loại yếu đuối bên trong và các cơn cám dỗ từ bên ngoài. Nhưng khi hiểu được ý nghĩa của đời sống bị bẻ ra như tấm bánh vì Chúa và vì tha nhân, mà cha Chevrier nói “linh mục là người bị ăn”, chúng ta sẵn sàng hiến tặng thời giờ, của cải, sức khỏe, hạnh phúc, niềm vui, cả những đau khổ và buồn phiền cho Chúa và đoàn chiên, vì tất cả những thứ đó cũng chính là cuộc sống và con người của chúng ta vậy. Quả thế, máu các thánh tử đạo đổ ra vì Chúa và vì Nước Trời chỉ có một lần thôi, nhưng máu của chúng ta đổ ra cách này hay cách khác, mỗi ngày, từng giọt một, qua trách nhiệm và bổn phận sẽ khó khăn hơn và công nghiệp hơn: “*Một lúc đổ cả máu đào, hay từng giọt một chẳng nào công hơn?*” Và như Thánh Phaolô, mỗi ngày, chúng ta bổ khuyết nơi thân xác chúng ta phần còn thiếu sót trong cuộc khổ nạn cứu thế của Đức Kitô.

Bánh và rượu dâng lên sẽ được quyền năng Chúa biến thành Mình và Máu Chúa Kitô. Nếu chúng ta dâng bản thân chúng ta, những tình cảm và tình yêu, những vấn đề, những lo lắng, đau khổ và hạnh phúc... thì quyền năng ấy cũng sẽ biến đổi thành những gì tốt đẹp hơn, hữu ích hơn cho chúng ta và đoàn chiên của chúng ta. Đặc biệt, nếu chúng ta dâng những yếu đuối và tội lỗi của chúng ta, Chúa sẽ tha thứ, biến đổi và thánh hoá chúng ta, bởi vì với Chúa, chẳng có tội gì quá nặng đến nỗi Chúa không thể tha thứ được, miễn là chúng ta thực tình ăn năn trở

lại đón nhận ơn Chúa! Vì thế, trong buổi kinh Truyền Tin ngày 9/6/2013, ĐTC Phanxicô thúc giục *“Hãy tin tưởng đến với Chúa Giêsu, Ngài luôn tha thứ cho chúng ta”*.

Trong việc cử hành Thánh Thể này, chúng ta cũng được mời gọi sống và làm chứng cho sự hiệp nhất của Hội Thánh. Sự hiệp nhất này là nguồn mạch và bằng chứng hữu hiệu cho sứ vụ loan báo Tin Mừng của Hội Thánh.^[6] Nhờ việc cử hành thánh lễ, chúng ta sẽ hiểu hơn sức mạnh biến đổi của Bí tích Thánh Thể và tìm thấy nơi mẫu nhiệm này sự can đảm và nguồn sức mạnh đi theo Chúa Giêsu và phục vụ Ngài nơi tha nhân. Chúng ta kín múc dồi dào nguồn sức mạnh này từ Bí tích Thánh Thể, được cử hành trong thánh lễ mỗi ngày và được thờ phượng nơi Nhà Châu mỗi khi đến viếng Minh Thánh Chúa,^[7] như chính Chúa Giêsu mời gọi *“hãy đến với Ta, hãy những ai đang vất vả và gánh nặng, Ta sẽ nâng đỡ và bỏ sức cho”*^[8]. Quả thế, chính Chúa Giêsu Thánh Thể sẽ nạp lại năng lượng và tăng thêm nhiệt huyết tông đồ cho chúng ta, bằng việc tiếp tục kích hoạt ngày sống và đổ đầy niềm hy vọng vững chắc cho chúng ta. Bí tích Thánh Thể là dấu chỉ thường hằng của tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu đỡ nâng hành trình của chúng ta tiến về hiệp thông trọn vẹn với Chúa Cha, qua Chúa Con, trong Chúa Thánh Thần. Đây là thứ tình yêu vượt thắng mọi tình yêu nhân loại, dù có khi rất hấp dẫn và cần thiết. Chính nơi Nhà Tạm mà ta phục hồi và nạp thêm năng lượng cho đời sống thiêng liêng và sứ vụ linh mục của mình, vì trước khi muốn nói về Chúa thì phải ở với Chúa, nói với Chúa và lắng nghe Chúa nói đã. Thánh Phêrô khuyên *“hãy trao trút nỗi lòng anh em cho Chúa, vì Ngài hằng thương yêu chăm sóc đến anh em”*^[9]. Ai trong chúng ta đã không có hơn một lần trải nghiệm những thăng trầm vấp ngã? Đó cũng là lý do Đức Chân phước Gioan Phaolô II đã mở ra “Năm Thánh Thể” với ước mong Hội Thánh được “khởi đầu lại từ Chúa Kitô” và chia sẻ cảm xúc sâu xa của chính ngài nơi Bí Tích Thánh Thể như là phương tiện đồng hành và tăng sức mạnh.^[10] Chúng ta sẽ làm thế nào nếu thánh lễ hôm nay là thánh lễ cuối cùng của đời mình?

2. Linh Mục và Con đường Thập Giá

Thiên Chúa toàn năng có thể dùng nhiều con đường khác để cứu độ loài người, nhưng Chúa Giêsu đã chọn con đường thập giá, nên thập giá là con đường tốt nhất, hiệu quả nhất.^[11] Chính Ngài đã minh định rất rõ ràng chỉ có một con đường duy nhất để đi theo Ngài: *“Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ mình, vác thập giá mình mọi ngày mà theo”*^[12]. Mẹ thánh Gioan Bosco đã nói với ngài khi ngài mới chịu chức linh mục: *“Khi con bắt đầu bước lên bàn thánh tế lễ là con bắt đầu con đường thập giá.”* Và người môn đệ đích thực là người tự do tự nguyện bước đi trên con đường Thập Giá và trung kiên theo Thầy cho đến cuối cuộc đời. Nhưng có một điều chúng ta thường hay quên là lắm khi chúng ta không vui vẻ chấp nhận thập giá của mình, mà còn phàn nàn so sánh để rồi đi vác thập giá của người khác và bắt người khác vác thập giá của mình. Chúng ta cũng thường rất lắm lần nghĩ người khác là thập giá nặng cho chúng ta, mà quên đi rất nhiều khi chính chúng ta lại là thập giá nặng hơn cho người khác, nặng đến nỗi người khác không thể vác nổi đành phải buông xuống. Chúng ta cần nhớ điều đó để biết nâng đỡ nhau, nhất là khi gặp thử thách, yếu đuối, già cả, bệnh tật.

Thập Giá gắn kết không rời Chúa Giêsu, ngay cả sau khi sống lại, những dấu khổ nạn vẫn không bị xóa nhòa: *“Các con hãy nhìn chân tay Thầy, chính Thầy đây, cứ sờ mà xem, mà đâu có xương thịt như các con thấy Thầy có đây”*^[13] - *“Tôma, hãy đặt ngón tay con vào đây, và hãy nhìn xem tay Thầy, đưa tay con ra mà đặt vào cạnh sườn Thầy, chớ cứng lòng nhưng hãy tin”*^[14]. Như vậy, thập giá là dấu chỉ cho ta tìm gặp Chúa Kitô đích thực: *“Nếu Chúa Kitô mà chúng ta mừng tượng không phải là ‘Chúa Kitô Khổ Nạn’, thì đấy là chúng ta đang mừng tượng một ai đó khác, chứ không phải là Chúa Kitô thực.”* Nhưng đứng trước thập giá cuộc đời, chúng ta thường phải chịu cơn cám dỗ tìm kiếm một Chúa Giêsu không thập giá. Thật vậy, Phêrô kéo Chúa Giêsu ra ngoài và can ngăn về chuyện Ngài tuyên bố quá rõ ràng về cuộc khổ nạn và cương quyết đi lên Giêrusalem. Nhiều lúc chúng ta cũng làm như Phêrô và đáng bị lời quả trách *“Satan, hãy xéo đi!”* bởi vì chúng ta không biết việc của Thiên Chúa mà chỉ biết việc

của loài người^[15]. Nếu cố tìm một Chúa Giêsu không có thập giá, chúng ta sẽ có nguy cơ gặp phải thập giá không có Chúa Giêsu, và làm thế là tự hại mình, tự chuốc khổ cho chính mình!

Linh mục, Thánh Thể và Thánh giá luôn liên kết chặt chẽ với nhau. Chúng ta đứng giữa bàn thờ và thánh giá: Thánh lễ tái hiện hy tế thập giá. Cùng với Chúa Giêsu, chúng ta vừa là tư tế vừa là của lễ. Là linh mục, chúng ta được mời gọi cách đặc biệt rảo qua con đường thập giá này. Mỗi ngày chúng ta được dẫn sâu vào mầu nhiệm thập giá, mầu nhiệm của hy tế, dù lắm khi thập giá dường như quá nặng khiến chúng ta muốn quy ngã. Nhưng mầu nhiệm này không được hoàn tất bởi cái chết, song bởi đời sống mới của sự sống lại. Suốt dòng lịch sử của mình, Giáo Hội hầu như luôn luôn bước đi trên con đường hy tế thập giá này. Trong nhiều đất nước, các nhà truyền giáo đã tiến bước suốt nhiều năm hướng về Golgotha, vác lấy thập giá hy sinh và bách hại. Nhiều người trong chúng ta cũng đã trèo lên con đường dốc đứng đó, dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Con đường thập giá của Giáo Hội, của các tín hữu, và của chúng ta vẫn kéo dài mãi. Những cuộc bách hại vẫn còn đó hay đã thay đổi chút ít, nhưng thập giá vẫn không thay đổi và vẫn đè nặng, khiến lắm lần chúng ta dường như bị oằn xuống dưới sức nặng của thập giá.

Thập giá là một trong những nghịch lý lạ lùng của Kitô giáo^[16], nhưng thập giá không phải là kết điểm của con đường, mà là cánh cổng dẫn vào sự sống: thất bại chuyển hóa thành chiến thắng, chính chỗ sự sống bị tước đoạt lại trở thành nơi sự sống được phục hồi, như khi toan trút hơi thở sau hết, Chúa Giêsu tuyên bố *“mọi sự đã hoàn tất.”* Cũng là nghịch lý rằng cuộc sống linh mục càng cắm rễ sâu vào thập giá càng trở sinh hoa trái nhiều hơn, như Chúa Giêsu, chính khi đi đến cùng con đường trút bỏ trở thành trống không mà đạt đến mức tuyệt đỉnh: cứu vớt nhân loại khỏi tội lỗi và giải hòa toàn thể nhân loại với Thiên Chúa.

Nếu chúng ta muốn sống cuộc đời linh mục của mình theo Chúa Kitô, chúng ta phải theo Ngài đến tận cùng trong con đường thập giá của Ngài. Đường thập giá của Chúa Giêsu đã là con đường đầu tiên, nhưng không phải là con đường cuối cùng, vì còn có chúng ta và bao nhiêu tâm hồn tận hiến đang bước theo Ngài, đang muốn đi cùng Ngài đến tận cùng trong con đường thập giá. Giáo Hội đã không quên con đường thập giá. Giáo Hội không bao giờ che giấu thập giá. Thập giá vẫn luôn có mặt trong Phụng vụ: Giáo Hội tán dương và suy tôn thập giá. Thập giá không chỉ là gánh nặng, nhưng phải được xem là cây gậy nâng đỡ, như đối với người già yếu và bệnh tật: vào mọi thời và ở mọi nơi, bao nhiêu người vẫn không ngừng hăm hở đến với thập giá, chiêm ngắm thập giá, yêu mến thập giá. ĐGH Phanxicô đã nói ngay sau ngày được bầu chọn: *“Khi chúng ta bước đi mà không có Thánh Giá, khi chúng ta xây dựng Giáo hội mà không có Thánh Giá, khi chúng ta tuyên xưng Chúa Kitô mà không có Thánh Giá, thì chúng ta không phải là môn đệ của Chúa. Cầu mong tất cả chúng ta có được sự can đảm bước đi cùng với Thánh Giá của Chúa Kitô, xây dựng trên máu Chúa Kitô đổ ra trên Thánh Giá, và tuyên xưng một vinh quang duy nhất là Chúa Kitô bị đóng đinh trên Thánh Giá”*. Còn thánh Phaolô hân diện: *“Ước gì tôi chẳng hãnh diện về một điều gì khác, ngoại trừ về thập giá Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Nhờ cây thập giá mà thế gian đã chịu đóng đinh cho tôi, và tôi cho thế gian”*^[17]

Đường thập giá là trường dạy chúng ta sống thánh thiện. Chúa Giêsu ngã xuống rồi lại chỗi dậy. Ngài chịu đựng nỗi cô đơn, chịu hành hạ và lăng nhục, nhưng Ngài luôn tha thứ. Mẹ Maria cũng đã đi theo Con Mẹ trên đường thập giá. Mẹ bước đi trong thinh lặng, Mẹ và Con nhìn nhau tận trong sâu thẳm tâm hồn. Mẹ và Con kết hiệp với nhau bởi tình yêu bao la, sâu thẳm và trong trắng. Tình yêu này sẽ làm thế giới thay đổi. Xin cho chúng ta được thấm nhuần tình yêu của Chúa và tình yêu của Mẹ. Mẹ đã đứng kề thập giá Chúa Giêsu, Mẹ cũng luôn đứng kề thập giá cuộc đời và sứ vụ linh mục của chúng ta. Chúng ta hãy nghĩ như đang ở trên đỉnh đồi Golgotha, dưới chân thập giá, nơi đã và đang mãi mãi tập trung sức mạnh lớn nhất của thế giới: tình yêu của Thiên Chúa trong Con của Ngài^[18]. Tình yêu này không bao giờ cạn kiệt, không bao giờ thôi là sức mạnh cứu độ của thế giới, một khi Chúa Giêsu dâng lên Chúa Cha đời sống mình làm hy tế.

Là linh mục, chúng ta cũng trao phó cuộc đời chúng ta trong tay Chúa Cha cùng với Chúa Giêsu Hy tế. Đó là một sức mạnh bao la cho thế giới. Sức mạnh đó được gìn giữ trong Giáo Hội bởi Bí tích Thánh Thể và mầu nhiệm thập giá. Chúng ta cử hành Thánh Lễ như một sức mạnh không thể cạn kiệt của tình yêu. Chúng ta trèo lên con đường thập giá đến tận đỉnh đồi Golgotha, kết hợp với Chúa Kitô toàn thể vừa với thập giá và mào gai trên đồi Golgotha, vừa với vinh quang trên núi Tabôrê và chiến thắng phục sinh vinh hiển. Là linh mục, chúng ta phải luôn sống và làm chứng tá cho niềm tin thác ấy, tin tưởng Mẹ Maria luôn đồng hành với chúng ta, luôn đứng bên thập giá của chúng ta và che chở chúng ta.

3. Linh Mục sống dưới sự bảo trợ của Mẹ Maria

Mẹ Maria được kêu cầu là Mẹ của Hội Thánh và Mẹ của linh mục theo một đường lối đặc biệt, vì khi trên thập giá, vào lúc tột đỉnh của sứ mạng cứu độ nhân loại, Chúa Giêsu đã trao phó Mẹ mình cho Gioan và ký thác Gioan cho Mẹ^[19]: *“Chúng ta cũng hãy đón nhận Mẹ Maria vào trong nhà nội tâm của chức linh mục chúng ta.”*^[20] Được sự che chở và hướng dẫn từ mẫu của Mẹ nâng đỡ và tăng sức mạnh, chúng ta có thể nhìn thấy mọi mối tương quan trong đời sống và sứ vụ linh mục của mình bằng đôi mắt, trái tim và trí não mới, để luôn bước đi trên con đường thánh thiện cần thiết.

Là Linh mục, chúng ta cần tăng cường lòng sùng kính Đức Mẹ. Sự hiện diện từ mẫu của Mẹ luôn là sự nâng đỡ cho chúng ta. Mẹ đã luôn theo sát Chúa Giêsu Con Mẹ, bây giờ Mẹ vẫn tiếp tục đồng hành cùng chúng ta, những Kitô khác. Ngay từ lúc khởi đầu sứ vụ, Đức Chân Phước Gioan Phaolô II đã trao phó mỗi linh mục cho Mẹ và mong muốn rằng mọi linh mục đều trao phó chính mình cho Mẹ, hướng về Mẹ với một tình yêu và niềm hy vọng đặc biệt. Bằng kinh nghiệm của mình, Ngài đã viết lên điều ấy trong bức thư gửi các Linh mục: *“Nguyện xin Đức Maria, Đấng mà tôi mời gọi anh em hãy luôn nuôi dưỡng lòng sùng kính con thảo, đồng hành với anh em và liên lý che chở anh em.”* ĐTC Biển Đức XVI cũng thúc giục chúng ta: *“Tôi khuyên anh em hãy vào trường Đức Maria để học biết yêu thương và bước theo Đức Kitô trên hết mọi sự.”*

Thật vậy, trong trường của Mẹ Maria, chúng ta học đặt Chúa Kitô vào chỗ nhất và trung tâm trong cuộc đời chúng ta, học để hướng tư tưởng cùng hành động của chúng ta theo Ngài: *“Người bảo gì hãy làm theo.”* Đúng vậy, nơi trường của Mẹ, chúng ta học biết tĩnh lặng, biết lắng nghe và phục vụ, là những điểm mấu chốt của đời sống người môn đệ. Mẹ Maria sẽ giúp chúng ta tiến sâu vào mối tương quan nhân vị đích thực hơn với Chúa Giêsu, để chúng ta yêu mến Ngài và làm cho Ngài được yêu mến. Vâng, qua việc chiêm ngắm và lắng nghe Mẹ Maria, chúng ta sẽ hiểu hơn sức mạnh nâng đỡ và biến đổi, hầu tìm lại được niềm an ủi và nguồn sức mạnh để bước theo Chúa Kitô và phục vụ Ngài trong anh chị em. Chính với tinh thần ấy nên trong cuộc hành hương Đền thánh Đức Mẹ Lorettô ngày 4/10/2012, ĐTC Biển Đức nói: *“Khi chiêm ngắm Mẹ Maria, chúng ta phải tự hỏi xem chúng ta có muốn mở ra cho Chúa hay không, có muốn dâng hiến cuộc sống chúng ta cho Ngài để trở thành một nơi ở cho Ngài hay không; hay là chúng ta sợ sự hiện diện của Chúa giới hạn tự do của chúng ta, phải chăng chúng ta muốn dành riêng cho mình một phần đời sống để nó chỉ thuộc về chúng ta mà thôi? Nhưng chính Thiên Chúa là Đấng giải thoát tự do của chúng ta khỏi sự co cụm vào mình, khỏi sự khát khao quyền lực, chiếm hữu, thống trị, và làm cho nó có khả năng cởi mở với chiều kích làm cho nó được sung mãn trọn nghĩa là hiến thân, yêu thương, phục vụ và chia sẻ.”*^[21]

Liên quan đến kỷ luật đời sống độc thân linh mục của Giáo Hội Công Giáo đang *“bị thế giới của thời đại chúng ta nghi ngờ giá trị và cho là không thể giữ được,”* tôi xin kể câu chuyện *“Tôi không nhịn được, linh mục làm sao?”*^[22] Chính thánh Phaolô thú nhận *“có ai trong anh em yếu đuối mà tôi không cảm thấy yếu đuối, có ai trong anh em sa ngã mà tôi không cảm thấy như thiêu như đốt?”*^[23] Và ĐTC Phanxicô trong bài giảng lễ ngày 14.6.2013, tại nhà nguyện thánh Máttá, trước sự hiện diện của các nhân viên của Bộ Giáo Sĩ, khuyên chúng ta hãy dám cho thấy những

yếu đuối của mình để khiêm tốn cậy dựa vào sức Chúa. Đức Phaolô VI cậy dựa đời sống độc thân linh mục vào lòng sùng kính nồng nhiệt và tỏa sáng đối với Mẹ Maria.^[24] Lòng đạo đức này của chúng ta sẽ mang chúng ta “*đến nguồn suối của đời sống thiêng liêng đích thực, mà chỉ nó mới là nền tảng vững chắc cho việc giữ luật độc thân.*”^[25] Vâng, chọn lựa độc thân linh mục của chúng ta cần được đặt nơi trái tim Mẹ Maria, và mau mắn chạy đến cùng Mẹ mỗi khi gặp khó khăn, nguy hiểm. Là trinh nữ và là mẹ, Mẹ Maria hiểu rất rõ trái tim chúng ta cần gì, và Mẹ biết làm thế nào để giữ cho chúng ta được trung thành với lời cam kết của mình giữa lòng đời hôm nay sao cho “*gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*” Chúng ta sẽ tìm được an ủi an toàn nơi Mẹ Maria, người Mẹ trên trời của chúng ta. Mẹ sẽ giúp chúng ta thắng hoa trái tim và con mắt, để nhìn thấy Mẹ ở trong và qua những người con gái của Thiên Chúa quanh chúng ta. Chúng ta kêu xin Mẹ bảo vệ và biến đổi chúng ta và những người nữ thân thiết với chúng ta, như Thánh Phaolô khuyên Timôthê “*coi các phụ nữ lớn tuổi như mẹ và những người trẻ như chị em*”^[26]. Nhờ lời chuyển cầu của Mẹ, Chúa Thánh Thần sẽ gìn giữ sự độc thân trong trắng của linh mục như Ngài đã làm cho Mẹ Maria và Thánh Giuse. Vì thế, Đức Phaolô VI đã khuyên nhủ: “*Anh em hãy hướng con mắt và trái tim, với niềm tín thác được đổi mới và lòng cậy trông con thảo, về Mẹ rất yêu dấu của Chúa Giêsu và Mẹ của Hội Thánh, hãy kêu xin sự cầu bầu vạn năng và hiền mẫu của Mẹ cho chức linh mục Công giáo*”^[27] vì “*Linh mục sẽ không thiếu sự chở che, nâng đỡ của Mẹ Chúa Giêsu.*”^[28]

Có một việc thật đơn giản nhưng rất quan trọng của lòng sùng kính Mẹ Maria là lần chuỗi Mân côi, một bản Phúc Âm tóm tắt.^[29] Chúng ta nên giữ sống động thói quen lần chuỗi Mân côi của các cha già và hãy khuyến khích giáo dân của mình lần chuỗi, một mình khi đi đường tới trường học, tới công sở, đồng ruộng, chợ búa... hoặc lần chuỗi chung với người khác, theo nhóm hay hội đoàn trong giáo xứ, đặc biệt là lần chuỗi trong gia đình, vì chuỗi Mân côi sẽ đốt nóng và làm mạnh thêm mối giây ràng buộc giữa các thành viên trong gia đình. Lời cầu nguyện này sẽ giúp chúng ta được mạnh mẽ trong đức tin, bền vững trong đức ái, niềm vui và kiên trì trong niềm hy vọng.

Chúng ta hãy tin tưởng dâng mình cho Mẹ, chạy đến tìm trú ẩn nơi sự che chở dịu dàng từ mẫu của Mẹ. Chính Chân Phước Gioan Phaolô II đã tận hiến cho Mẹ và chia sẻ: “*Suốt cuộc đời tôi, tôi đã cảm nghiệm rõ sự hiện diện đầy yêu thương của Mẹ Chúa chúng ta. Mẹ Maria đồng hành với tôi mọi ngày để giúp tôi chu toàn sứ vụ...*” Xin Mẹ Maria giúp chúng ta biết bắt chước Mẹ: *Fiat* (Xin Vâng), luôn chấp nhận ý muốn và kế hoạch của Chúa; *Magnificat* (linh hồn tôi ca ngợi), luôn ca ngợi và cảm tạ mọi ơn lành lớn nhỏ Chúa đã ban cho, và *Stabat* (đứng thẳng dưới chân thập giá), luôn sống nhẫn nại và bền đỗ trong những thách đố và khó khăn của cuộc sống hằng ngày cho đến hơi thở cuối cùng.

Còn tiếp một kỳ

[1] Lc 22, 14-20.

[2] Bộ Giáo lý, Linh mục và Thiên niên kỷ Kitô giáo thứ ba.

[3] x. John Paul II, Ecclesia de Eucharistia, số 31.

[4] Presbyterorum Ordinis, số 18; 1 Cor 11,27-29.

[5] 1 Sm 21,4-7: Đavít nói với tư tế Akhimêléc: “Bây giờ ông có sẵn gì không? Xin ông cho tôi năm cái bánh hay có gì cũng được.” Tư tế trả lời: “Tôi không có sẵn bánh thường, chỉ có bánh thánh hiến, miễn là các đầy tớ đã giữ mình không gần gũi đàn bà.” Ông Đavít trả lời tư tế: “chúng tôi bị cấm không được gần gũi đàn bà, như xưa nay mỗi khi tôi ra trận: các đầy tớ đã giữ thân thể cho được thánh. Đây là một chuyện đi thường, nhưng quả thật hôm nay họ đã giữ

thân thể cho được thánh.” Bấy giờ tự tế cho ông của thánh, vì ở đó không có bánh nào khác ngoài bánh tiền, thứ bánh đặt trước nhan ĐỨC CHÚA...

[6] John Paul II, *Ecclesia de Eucharistia*, số 34-36.

[7] John Paul II, *Ecclesia de Eucharistia*, số 1.

[8] Mt 11,28.

[9] 1 Pr 5,7.

[10] John Paul II, *Ecclesia de Eucharistia*, số 59.

[11] Câu chuyện “Cửa bột thập giá”.

[12] Mt 16,24.

[13] Lc 24,39.

[14] Ga 20, 24-29.

[15] x. Mt 16,23.

[16] x.1Cr.1,18.

[17] Gl 6, 14.

[18] x. Ga 3,16.

[19] Ga 19, 26-27.

[20] John Paul II, *Thư gửi các linh mục Thứ Năm Tuần Thánh 1988*, số 6.

[21] G. Trần Đức Anh OP, nguồn: vietvatican.net

[22] Năm 1976, dọc đường đưa tôi đến địa điểm kinh tế mới của giáo dân TP. Huế, ông chủ tịch Mặt Trận Nam Đông chân thành hỏi: “Một đêm không ngủ với vợ và làm chuyện ấy, tôi không nhin được, linh mục làm sao?” Tôi trả lời rằng làm linh mục cũng không thôi là con người, tôi vẫn bị cám dỗ và vẫn có ham muốn phải chiến đấu cam go và lấy chuyện thuốc phiện với người nghiện và người chưa bao giờ hút để so sánh. Ông ta bảo là câu trả lời chân thành và chí lý, và ông đã hiểu.

[23] 2 Cr 11,29.

[24] Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus*, số 1.

[25] *Ibidem*, số 75.

[26] x. 1 Tm 5,2.

[27] Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus*, số 98a.

[28] *Ibidem*, số 59.

VỀ MỤC LỤC

DINH DƯỠNG KHI BỊ CAO HUYẾT ÁP.

Huyết áp là sức ép của máu vào thành động mạch khi tim bóp, đưa máu đi nuôi cơ thể.

Huyết áp lý tưởng là dưới 120/80mmHg.

Tiền Cao Huyết áp khi HA tâm thu từ 120-139 và HA tâm trương từ 80-90.

Khi HA từ 140-159 hoặc 90-99 là cao huyết áp.

Cao huyết áp thường không có triệu chứng, vì thế được coi như là “Tên Sát Nhân Thầm Lặng”, Silent Killer. Quá bán bệnh nhân cao huyết áp đều không điều trị. Mà không điều trị có thể đưa tới suy tim.

Ngoài dược phẩm, Cao huyết áp có thể kiểm soát được với một chế độ dinh dưỡng hợp lý. Chế độ dinh dưỡng cho người bệnh huyết áp cao do Ủy Ban Đặc Nhiệm Chống Cao Huyết của Hoa Kỳ đưa ra vào tháng 4 năm 2004 là một chế độ đặt trọng tâm vào nhiều rau, trái cây; các loại sữa và pho mát đã bỏ bớt chất béo; thực phẩm ít béo bão hòa và cholesterol; nhiều chất xơ, khoáng kali, magnesium; và chất đạm dùng vừa phải.

Sau đây là vài ý kiến về vấn đề dinh dưỡng để kiểm soát bệnh Cao Huyết Áp.

1. Muối ăn.

Cách đây vài thập niên, khi chưa có dược phẩm để kiểm soát cao huyết áp thì giới hạn tiêu thụ muối là biện pháp chính. Trong một thời gian dài, thầy thuốc chỉ biết khuyên bệnh nhân hạn chế muối (ăn nhạt) và vận động cơ thể để đối phó với cao huyết áp. Ngày nay, tuy việc giảm muối không còn là biện pháp chính, nhưng vẫn có vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa và điều trị cao huyết áp ở một số người.

Đã có nhiều ý kiến khác nhau về việc giới hạn lượng muối ăn mỗi ngày.

Một số nhà nghiên cứu cho là muối không gây ảnh hưởng gì đối với người có huyết áp bình thường. Với người tăng huyết áp thì giới hạn muối chỉ hạ thấp một tỷ lệ rất nhỏ. Do đó các nhà nghiên cứu của nhóm này không tin tưởng nhiều vào công hiệu của tiết giảm muối trong việc trị cao huyết áp.

Trong khi đó lại có nhiều nghiên cứu khác quả quyết là có một sự liên hệ giữa cao huyết áp và dùng nhiều muối, đặc biệt là ở người trung niên và cao tuổi. Theo họ, giới hạn tiêu thụ muối là điều cần để chữa và phòng ngừa cao huyết áp.

Nhiều người rất nhạy cảm với một lượng lớn muối, khiến cơ thể giữ nhiều nước để cân bằng dung môi chất lỏng. Khi nước được giữ lại nhiều hơn thì dung lượng của dòng máu cũng tăng theo, mạch máu căng ra, làm huyết áp tăng lên. Trái tim và thận cũng phải làm việc nặng nhọc hơn để lưu hành máu phụ trội. Với những người này thì giới hạn muối là điều nên làm trước khi huyết áp lên cao.

Đồng ý là nhiều muối chỉ nâng cao huyết áp ở một số người (10-20%) nhưng đây cũng là con số đáng kể. Hơn nữa, quá nửa quý vị lão niên đều có cao huyết áp mà không biết. Có thể là do dùng nhiều muối trong lúc thiếu thời đã làm suy yếu sự bảo vệ của gene di truyền với bệnh này.

Nhận xét về cách ăn uống của một số sắc dân trên thế giới cho thấy rằng, nhóm dân nào dùng nhiều muối thì tỷ lệ cao huyết áp gia tăng và ngược lại, những nơi tiêu thụ ít muối thì tỷ lệ bệnh này cũng giảm xuống.

Theo các chuyên viên dinh dưỡng, ta chỉ nên dùng dưới 2000mg muối mỗi ngày, tương đương với một thìa nhỏ muối. Chú ý rằng đó là bao gồm toàn thể số lượng muối có trong thức ăn nước uống trong ngày. Bởi vì muối cũng có trong nhiều loại thức ăn, nước uống chứ không phải chỉ do chúng ta thêm vào khi nấu nướng.

Đa số thực phẩm làm sẵn như đồ hộp, thực phẩm đông lạnh đều có nhiều muối. Các nhà sản xuất đã cố gắng cắt giảm muối trong thực phẩm chế biến, nhưng vẫn còn khá cao. Lý do là khi thêm muối thì món ăn sẽ hấp dẫn hơn so với một món ăn nhạt. Vì thế, các vị cao niên thường dùng nhiều muối gấp hai người trẻ tuổi, mà thực ra chỉ là để thỏa mãn khẩu vị chứ không cần thiết cho cơ thể.

Để giảm muối cũng không khó khăn lắm, mà chỉ cần có sự quyết tâm:

- Khi nấu, nên cho muối hơi nhạt, rồi thêm vào đôi chút khi ăn nếu cảm thấy cần;
- Xả bớt muối trong rau đóng hộp;
- Lưu ý số lượng muối trong nước uống, vì nhiều nơi có lượng rất cao;
- Đọc kỹ nhãn hiệu thực phẩm để biết rõ số lượng muối trong món ăn.

2- Chất béo.

Chất béo trong máu nhiều quá sẽ làm các thành phần khác của máu kết dính với nhau, tim phải tăng sức co bóp để đẩy máu dính cục này vào động mạch và do đó áp suất động mạch tăng theo.

Một số nghiên cứu cho thấy khi giảm chất béo thì huyết áp cũng giảm theo. Có ý kiến cho rằng giảm chất béo làm hạ huyết áp tốt hơn là giảm muối. Một vài loại cá chứa nhiều béo omega- 3 lại làm hạ bệnh cao huyết áp.

3- Béo phì.

Rất nhiều kết quả nghiên cứu chứng minh sự liên hệ giữa mập phì và huyết áp cao. Người mập có nguy cơ bị cao huyết áp hơn người bình thường từ hai tới sáu lần. Theo một vài thống kê thì có tới 60% người cao máu đều mập.

Lý do là khi ta mập thì trái tim phải làm việc liên tục nhiều hơn để cung cấp đủ máu cho khối lượng tế bào lớn hơn của cơ thể.

Một lý do nữa là người mập dễ bị tiểu đường loại II, mà tiểu đường là một trong nhiều nguy cơ đưa tới cao huyết áp. Do đó, **giảm cân thường là bước đầu trong việc trị cao huyết áp ở người mập.**

Giảm tổng số năng lượng tiêu thụ, giảm muối, tăng vận động cơ thể là những phương thức hữu hiệu để giảm cân. Giảm cân cũng làm giảm cholesterol, giảm tiểu đường và cuối cùng là giảm các nguy cơ bệnh tim mạch.

4- Rượu.

Thống kê cho hay, từ 5 tới 7% người cao huyết áp đều tiêu thụ nhiều rượu bia các loại. Chỉ cần 100ml rượu là đủ để nâng áp suất mạch máu lên 3 mmHg.

Do đó, đề ngừa cao huyết áp, tốt nhất là không nên uống rượu bia. Và nếu có uống thì nên giới hạn mỗi ngày không quá hai lần, mỗi lần 50 cc rượu mạnh, 150 cc rượu vang và 350 cc bia.

5. Một số muối khoáng

Một số các muối khoáng như Kali (K), Magnesium, Calci cũng có vai trò tuy khiêm nhường nhưng tích cực đối với huyết áp.

Theo một số nghiên cứu, K giảm huyết áp bằng cách làm thư giãn mạch máu, lòng mạch máu rộng hơn, giảm sức cản thành động mạch; làm tăng sự bài tiết nước và muối natri ra khỏi cơ thể; làm giảm renin tiết ra từ thận. Kali có nhiều trong chuối, trái cam, trái bơ, khoai tây, hạt đậu...

Magnesium làm hạ huyết áp bằng cách làm giãn mở mạch máu, giảm lực cản động mạch. Mg có nhiều trong các rau có lá xanh, các loại hạt, thịt, cá, trứng...

Calci làm giảm cao huyết áp gây ra do ăn nhiều muối natri. Calci có nhiều trong rau lá xanh, sữa, phomát, sữa chua, cá hộp sardine, salmon...

6. Rau, Trái cây.

Thực phẩm thực vật cũng làm giảm cao huyết áp, đó là nhờ chất xơ trong trái cây và các chất chống oxy hóa như sinh tố C.

Các nhà dinh dưỡng đã đề nghị dùng nhiều loại rau, trái cây, các loại hạt khác nhau. Tỏi, rau cần tây, mướp đắng, đã được dân gian dùng từ nhiều ngàn năm để chữa cao huyết áp vì tính cách lợi tiểu của chúng.

Ngoài ra, để kiểm soát huyết áp, người bệnh cũng cần có một chương trình vận động cơ thể đều đặn, vừa sức mình. Người ít vận động dễ bị cao huyết áp hơn người vận động tới 30%. Sự vận động cơ thể đều đặn có thể làm hạ huyết áp tâm trương và tâm thu từ 6-7 mmHg.

Kết Luận

Mắc bệnh huyết áp cao mà không điều trị thì tuổi thọ chỉ còn khoảng vài chục năm kể từ khi triệu chứng xuất hiện. Khi đã có biến chứng mà không điều trị thì sống tối đa không quá dăm bảy năm. Còn nếu điều trị nghiêm túc thì tuổi thọ sẽ kéo dài hơn.

Vì thế, sự lựa chọn là ở trong tầm tay của mọi người. Và những hiểu biết về dinh dưỡng góp phần đáng kể trong việc giảm nhẹ nguy cơ mắc bệnh cũng như làm chậm quá trình tiến triển khi đã mắc bệnh.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

Giới thiệu: Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe do Bác sĩ Nguyễn Ý Đức thực hiện

Vài hàng giới thiệu : Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet,

tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

==> <http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

VỀ MỤC LỤC

“Làm phúc nơi nao, để cầu ao rách nát ?”

Quan tâm, chia sẻ với người nghèo là chuyện không của riêng ai. Hễ là người, trong cõi lòng chạnh thương ít nhiều gì ai cũng nhớ đến những người nghèo, những người thiếu thốn, người kém may mắn hơn mình.

Với tấm lòng như vậy, ngày mỗi ngày trong xã hội, chúng ta thấy nhiều tổ chức tập thể cũng như cá nhân tìm đủ mọi phương cách để chia sẻ với người nghèo.

Quanh ta vẫn có những trại dưỡng lão, trung tâm nuôi bệnh nhân sida, trại mồ côi, trung tâm khuyết tật ... Những năm gần đây, nhiều dự án mới đã mọc lên như nhà trọ sinh viên do nhóm này nhóm kia lập ra để quy tụ sinh viên nghèo sống chung với nhau trong một mái nhà. Có những dự án thực tiễn mỗi ngày đó là những quán cơm 2000đ, quán cơm miễn phí ở các xứ đạo, ở các chùa ...

Mỗi ngày trong các bệnh viện như Phạm Ngọc Thạch, Trung Tâm Ung Bướu ... vẫn có những suất cơm từ thiện giúp cho những bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn. Mỗi tối cuối tuần, nhóm G8 đã quy tụ với nhau để chia sẻ những chén cháo đêm cho những người ngủ vỉa hè cũng như các sạp chợ ...

Những việc làm như thế này cần và cần nhân rộng thêm nữa để chung chia phần nào nỗi đau của những người nghèo, những người kém may mắn. Những việc làm này rất tốt nhưng cũng đừng quên đến những người nghèo khác mà ta ít khi để ý đến.

Câu chuyện cô bé chia sẻ với tôi vẫn còn văng vẳng bên tai :

"Cha ơi ! Nếu cha cần giúp ai đó, cha có thể liên lạc với hai cô của con. Hai cô của con tốt lắm, hay chia sẻ cho người nghèo lắm .. Nhưng ... cô chỉ chia sẻ cho người ngoài thôi. Con là cháu ruột, nhà con nghèo nhưng cô không giúp ... Lần kia, cô nhờ con chở cô vào Trung Tâm Ung Bướu để giúp người nghèo. Cô cầm một xấp tiền trong tay và đi phát cho bệnh nhân nghèo. Con đứng kế bên cô, con thèm được cô cho một tờ thôi nhưng không được. Cô đâu có biết là đứa cháu gái của cô phải mượn xe để chở cô đi làm việc từ thiện. Giá như mà cô cho cháu của cô 1 tờ để đỡ xăng cũng đỡ ..."

Nghe dòng tâm sự thật buồn ! Có lẽ đau lắm cô cháu mới nói những lời này. Thật sự, chẳng ai muốn nói ra nhưng trong cuộc đời, sự thật vẫn là sự thật để rồi trong những sự thật đó lòng ta lại quặn đau. Có những sự thật không ai muốn nghe nhưng khi nghe xong thì đau thật. Có những sự thật người ta cố giấu nhưng chẳng thể nào giấu được.

Lần kia, gặp một cô cũng đã luống tuổi. Cô chia sẻ về hoàn cảnh hiện tại của cô là cô phải lo cho mẹ già của cô. Cô thích đi hát ca đoàn nhưng mỗi lần đi tập như thế là hai mẹ con lại căng thẳng nhau. Mẹ cô không muốn cô đi sinh hoạt ca đoàn để cô ở nhà với Mẹ nhưng cô lại thích đi sinh hoạt và hai mẹ con cứ lục đục nhau suốt.

Nghe thế, tôi nói với cô rằng sinh hoạt ca đoàn rất tốt nhưng tốt hơn là nên ở bên Mẹ và đừng làm cho Mẹ buồn bởi lẽ mẹ của cô cũng chẳng còn sống lâu nữa ở cái tuổi ngoài tám

mười đầu lâu ốm dài. Bà già yếu nên cần sự hiện diện của cô trong những năm tháng cuối đời như thế này. Tôi minh chứng cho cô bằng câu chuyện thật của một người đến với tôi và đã khóc. Cô khóc vì hối hận. Hối hận vì sự cay nghiệt của cô mà Mẹ của cô phải mất sớm. Bà mất được 2 tháng nhưng nỗi ray rứt về người mẹ vẫn chưa nguôi. Cô đến chia sẻ với tôi cho nhẹ lòng.

Khi nghe kể như thế, một câu chuyện rất gần và rất thật trong cuộc sống, cô đã nghĩ lại và ngưng sinh hoạt ca đoàn một thời gian để có thời gian ở gần bên mẹ hơn.

Có người nói với tôi rằng : "Đạo này bố con lắm cảm lắm rồi ! Lúc nào cũng cau có và khó chịu ... nên con hay cau có với bố ..."

Nghe người con "xả" cơn bực mình sau đó tôi nói lại : "Cô à ! Nhìn cô vậy mà thấy tếu nhỉ ? Cô nhớ lại một tí đi ! Nhớ lại cái ngày mà cô lên năm lên ba đó. Bao nhiêu lần cô chạy nhảy té xuống té lên và vớ vẩn đòi bánh xin kẹo và cực kỳ nhõng nhẽo ... những năm tháng tuổi thơ đó ai là người bông ảm cô trên tay. Giờ đây bố cô kém trí nhớ và cũng nhõng nhẽo với cô một tí mà cô lại ..."

Nghe tôi chia sẻ như thế, lòng cô chùn xuống và cô chợt nhớ lại ơn nghĩa sinh thành dưỡng dục của cha mẹ và thay đổi lối nghĩ và cách sống của mình. Cô tự nhủ sẽ nhẹ nhàng và cảm thông với tuổi già sức yếu của bố mình hơn.

Nhĩ đến đây tôi chợt nhớ tâm tình của Chúa Giêsu : "Vì các người sẽ có người nghèo luôn bên cạnh các người, còn Ta, các người sẽ không gặp Ta mãi đâu". (Ga 12, 8)

"Người nghèo luôn bên cạnh các người". Người nghèo đó là ai ? Xin thưa người nghèo đó có thể là người cha người mẹ già nay đã tàn hơi và kém trí nhớ. Người nghèo đó có thể là chính người anh, người chị, người em, người con, người cháu đang sống trong mái nhà của chúng ta. Những người nghèo đó thật gần với chúng ta, họ gần hơn những người nghèo mà ngày mỗi ngày ta chăm sóc cho họ.

Nhiều khi ta bận rộn với công việc giúp người nghèo ở bên ngoài nhưng ta quên bẵng đi người nghèo ở bên cạnh ta.

Những người nghèo sống trong mái nhà của ta chưa hẳn họ cần tiền bởi lẽ họ không thiếu tiền. Điều họ cần không phải là cần tiền, họ cần một chút tình người nhưng đôi khi tình người đó bị quên lãng.

Có khi người mẹ già yếu thêm một chút tình người của đứa con mà cả đời lo cho nó nhưng lại bị nó hắt hủi.

Có khi người vợ thêm một chút tình thương của người chồng dành cho họ trong khi cả cuộc đời vợ lại lam lũ chịu cực chịu khổ vì chồng.

Có khi người em thêm tình thương của người anh trong khi người anh lại phung phí tình cảm dành cho ai đó ngoài đường để tìm danh thơm tiếng tốt.

Thật khó nghĩ khi ta giúp cho người nghèo ở bên ngoài gia đình ta, trong khi người nghèo gần và thật gần, họ ở ngay trong gia đình của ta mà ta quên lãng họ.

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA